

TUẦN 27:**Thứ Hai ngày 23 tháng 03 năm 2026****Hoạt động trải nghiệm:****SINH HOẠT DƯỚI CỜ:****THAM GIA PHONG TRÀO NGÀY THÀNH LẬP ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
VÀ GƯƠNG NGƯỜI TỐT VIỆC TỐT****Tiếng Việt:****ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ 2 (Tiết 1+ 2)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- HS có năng lực Tiếng Việt: đọc và nhớ các chi tiết của văn bản. Nhận biết nội dung chính và chủ đề của văn bản đã học, tóm tắt được các ý chính trong bài.
- HS ôn tập về câu đơn, câu ghép, cách nối các vế câu ghép.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV giới thiệu bài hát “ Một vòng Việt Nam” Sáng tác: Đông Thiên Đức để khởi động bài học. - GV cùng trao đổi với HS về ND bài hát: + Lời bài hát nói lên những điều gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - Vậy ở học kì 2, chúng ta đã được học những chủ điểm nào? => Những chủ điểm em vừa nhắc tới cũng chính là nội dung phần ôn tập trong tiết học hôm nay của chúng ta.	- HS lắng nghe bài hát. - HS trao đổi về ND bài hát với GV. + Ca ngợi đất nước, con người Việt Nam tươi đẹp, lam lũ, kiên cường đấu tranh, xây dựng đất nước và niềm tự hào dân tộc. - Vẻ đẹp cuộc sống, Hương sắc trăm miền. - HS lắng nghe.
2. Ôn tập:	

Bài 1/77: Dựa vào lời giới thiệu của mỗi nhân vật dưới đây cho biết nhân vật đó là ai xuất hiện trong câu chuyện nào đã học.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài:
- Thảo luận nhóm đôi, nêu tên nhân vật và tên câu chuyện đã học.

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng:
=> Như vậy qua bài 1, các em đã nhớ lại được tên các nhân vật và câu chuyện đã được học trong 2 chủ đề. Bây giờ chúng ta cùng ôn lại nội dung của các câu chuyện đó ở bài tập 2.

Bài 2/77 Nêu nội dung chính của một trong những câu chuyện được nhắc tới ở bài 1.

- Nhắc lại tên các câu chuyện ở bài 1.

- Gv yêu cầu học sinh làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm 4 theo yêu cầu bài rồi ghi kết quả vào bảng nhóm.

- GV yêu cầu học sinh chia sẻ kết quả thảo luận



- HS đọc và quan sát tranh, suy nghĩ trả lời.
- Thảo luận nhóm.
- HS chia sẻ: 1 em hỏi – 1 em trả lời.

Lời giới thiệu	Nhân vật	Câu chuyện
(1) Tôi đã thay mặt cả lớp cảm ơn cô giáo và tặng cô hộp quà chứa ba mươi lăm lá thư của cả lớp.	Nhân vật Quang	Hộp quà màu thiên thanh
(2) Tôi chọn thật nhiều hoa màu vàng, loại hoa bạn tôi yêu thích, để làm một giỏ hoa tặng bạn.	Nhân vật cô bé Xu-di (xung "tôi" trong câu chuyện)	Giỏ hoa tháng Năm
(3) Khi tôi cất giọng hát, tiếng hát vang khắp núi rừng, khiến muôn thú quên cả phá lúa và nhảy múa theo tiếng hát của tôi.	Nhân vật Nai Ngọc	Tiếng hát của người dã
(4) Tôi quyết tâm khôi phục lại trang trại sau khi bị cháy và tôi đã làm được.	Nhân vật Mát	Khu rừng của Mát
(5) Tôi ước mơ trở thành một kĩ sư nông nghiệp để phát triển cây chè ở quê hương Ta Xùa của tôi.	Nhân vật Thảo A Sùng	Những búp chè trên cây cổ thụ

- Hs nêu yêu cầu bài.

- HS nêu.

- HS tự chọn 1 câu chuyện rồi ghi lại nội dung vào vở nháp.

- HS thảo luận nhóm chọn tên 1 câu chuyện rồi thống nhất nội dung bài ghi vào bảng nhóm.

- HS chia sẻ bằng cách dán bảng nhóm trên bảng lớp. Mỗi nhóm cử 1 bạn chia sẻ, các bạn khác theo dõi, nhận xét.(chỉ dán những nhóm có nội dung khác nhau

- *Hộp quà Màu Thiên Thanh* là câu chuyện kể về các bạn nhỏ trong một lớp học đã cùng nhau chuẩn bị một món quà vô cùng đặc biệt và ý nghĩa để tặng cô giáo. Đó là một chiếc hộp chứa những bức thư kể về kỉ niệm của các bạn nhỏ với cô.

- *Giỏ hoa tháng 5* câu chuyện kể về một cô bé cảm thấy rất buồn vì người bạn thân của cô bé có thêm bạn mới, nhưng sau khi nghe lời khuyên của mẹ, cô bé đã tặng bạn thân một giỏ hoa vì nhận ra ai cũng cần có nhiều bạn bè.

- *Khu rừng của Mát*: truyện kể về chàng thanh niên tên Mát đã vượt qua nỗi đau đớn mất mát vì trang trại của gia đình bị sét đánh cháy rụi.

- Những câu chuyện trên đều là những câu chuyện hay nói về tình cảm giữa con người với con người và con người với thiên nhiên qua đó rút ra cho em nhiều bài học quý từ cuộc sống.

Bài 3/ 78: Trong đoạn văn dưới đây, câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép? Xác định các vế của những câu ghép vừa tìm được:

- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ rồi làm vở hoặc phiếu bài tập.
- GV soi bài chữa , chốt kết quả.

- Theo em, thế nào là câu đơn, thế nào là câu ghép?

- Em hãy nêu cách xác định các vế câu ghép trong bài ?

- Vậy các vế của câu ghép thường nối với nhau bằng gì?

=> Qua bài 3, chúng ta đã ôn lại cách nhận biết câu đơn, câu ghép và cách nối giữa các vế câu. Bây giờ chúng ta tiếp tục ôn tập về câu ghép ở bài tập 4.

Để trồng lại cây cối bù lại xanh màu xanh cho trang trại.

- Tiếng hát của người đã câu chuyện cổ tích kể về tiếng hát của một người đã đã giúp đuổi muôn thú phá lúa khuyên nhủ dọc ngừng tay kiếm trở về sống bên gia đình để dân làm được sống yên vui.

- Những búp bê trên cây cổ thụ câu chuyện kể về cậu bé Thảo A sùng với tình yêu niềm tự hào ước mơ mãnh liệt mà cậu đã dành cho sản vật quê hương mình những búp chè trên cây cổ thụ ở bản Tà Xùa.

3. Trong đoạn văn dưới đây, câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép? Xác định các vế của những câu ghép vừa tìm được.

(¹) Mùa đông, rùa ngại rét. (²) Gió cứ thổi vù vù. (³) Rùa đợi đến mùa xuân. (⁴) Mùa xuân nhiều hoa, nhưng mùa xuân vẫn là đứa em của mùa đông. (⁵) Mùa phồn vĩ cứ lai rai và gió bắc vẫn thút thít ở các khe núi. (⁶) Rùa lại đợi đến hè. (⁷) Mùa hè tạnh ráo. (⁸) Cây cối có nhiều quả chín thơm tho. (⁹) Nhưng cái nóng cứ hầm hập. (¹⁰) Cả ngày, bụi cuốn mịt mù. (¹¹) Hễ cơn đông đến thì đất đá lại như sôi lên, nước lũ đổ ào ào.

(Theo Võ Quảng)

- HS làm bài.

- Học sinh nhận xét bài làm của bạn và sửa lỗi nếu có.

- Câu đơn: 1,2,3,6,7,8,9,10

- Câu ghép: 4,5,11

- Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ.

- Câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ – vị ngữ ghép lại. Mỗi cụm chủ ngữ - vị ngữ trong câu ghép được gọi là một vế câu. Các vế trong câu ghép có sự kết nối chặt chẽ với nhau.

- Câu 4: 2 vế nối với nhau bằng từ nhưng và dấu phẩy.

- Câu 5: 2 vế nối với nhau bằng từ và.

- Câu 11: 2 vế nối với nhau bằng từ thì, dấu phẩy.

- Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ (và, rồi, hoặc, còn, hay, nhưng, mà, song,...).

- Các vế của câu ghép có thể nối trực tiếp với nhau: giữa các vế không có kết từ mà chỉ có dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy,...).

Bài 4/ 78 :Chọn một vế câu ở A và một vế câu ở B, thêm kết từ hoặc cặp từ hô ứng để tạo câu ghép.

- HS đọc yêu cầu bài, suy nghĩ rồi làm việc cá nhân.

- Thảo luận nhóm 4 theo yêu cầu trên rồi ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm.

- GV chốt đáp án đúng.

- Em hãy cho cô biết thế nào là kết từ? thế nào là cặp từ hô ngữ. Lấy ví dụ về cặp từ hô ngữ.

Bài 5/78 : Thêm kết từ và vế câu thay cho bông hoa để tạo câu ghép.

- GV mời học sinh đọc y/c bài, suy nghĩ và làm vào vở.

- GV soi bài , chữa bài trong vở.

- GV chốt đáp án đúng.

4. Chọn một vế câu ở A và một vế câu ở B, thêm kết từ hoặc cặp từ hô ứng để tạo câu ghép.

A	B
Mặt trời lên cao	khung cảnh xung quanh mờ mịt, không còn nhìn rõ mặt người.
Sương xuống dày đặc	những bông lan vẫn e ấp giữ nụ chúm chím.
Trong vườn, những bông hồng đã nở rộ, tỏa hương ngào ngạt	chiếc bóng ngán lại.

- HS thảo luận, đại diện nhóm chia sẻ, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. (HS có thể viết nhiều cách khác nhau)

+ Mặt trời càng lên cao, chiếc bóng càng ngán lại.

+ Khi mặt trời lên cao thì chiếc bóng ngán lại.

+ Vì sương xuống dày đặc nên khung cảnh xung quanh mờ mịt không còn nhìn rõ mặt người.

+ Khi sương xuống dày đặc thì khung cảnh xung quanh mờ mịt không còn nhìn rõ mặt người.

+ Mặc dù (Dù, Tuy, Dẫu) trong vườn có những bông hồng đã nở rộ tỏa hương ngào ngạt nhưng những bông lan vẫn e ấp giữ nụ chúm chím.

- Kết từ từ là từ thường được dùng để nối các từ ngữ hoặc các câu nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các câu với nhau.

- Cặp từ hô ứng là các cặp từ đi đôi với nhau thường được dùng để nối các vế của câu ghép.
VD:

+ vừa...đã...;chưa...đã...;mới....đã...;vừa...vừa...; càng...càng...

+ đâu...đấy; nào... ấy; sao... vậy; bao nhiêu...bấy nhiêu

5. Thêm kết từ và vế câu thay cho bông hoa để tạo câu ghép.

a. Nếu em chọn một sản vật quê hương để giới thiệu với bạn bè 🌸.

b. 🌸 nên tôi luôn háo hức mong đến giờ ông kể chuyện.

c. Tuy những hạt gạo bé nhỏ, giản dị 🌸.

- HS đọc yêu cầu bài.

- HS chia sẻ bài làm, các bạn khác nhận xét, bổ sung.

+ Nếu em chọn một sản vật của quê hương để giới thiệu với bạn bè thì em sẽ chọn món cơm dẻo thơm, ngọt lành.

+ Nếu em chọn một sản vật của quê hương để giới thiệu với bạn bè, em sẽ chọn chiếc bánh đậu xanh ngọt ngào, thơm dịu.

- Khi viết thêm về câu và kết từ em cần lưu ý gì? => Cách sử dụng kết từ, các cặp từ hô ngữ trong câu ghép làm cho câu văn thêm phong phú, sinh động, dễ hiểu. Em hãy vận dụng những điều vừa được ôn tập vào viết văn nhé!	+ Vì ông tôi có giọng nói trầm ấm nên tôi luôn háo hức mong đến giờ ông kể chuyện. + Bởi những câu chuyện ông tôi kể rất hấp dẫn người nghe nên tôi luôn háo hức mong đến giờ ông kể chuyện. + Tuy những hạt gạo bé nhỏ, giản dị mà lại chứa đựng biết bao mồ hôi, công sức của người nông dân. + Tuy những hạt gạo bé nhỏ, giản dị nhưng nó lại có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của người dân Việt Nam. ... - Cần đọc kĩ nội dung câu đã cho để tạo thành câu ghép có ý nghĩa, nội dung phù hợp.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Trong tiết học hôm nay, em đã được ôn tập những nội dung gì? - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ, trả lời. - VD: Em được ôn tập về câu đơn, câu ghép, cách nối các vế câu ghép...

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

BÀI 57: CỘNG , TRỪ SỐ ĐO THỜI GIAN (T2)

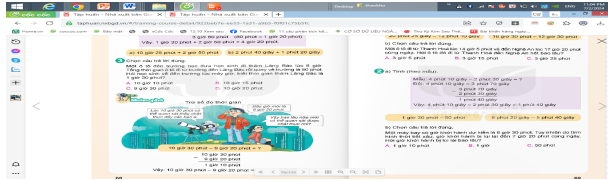
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS thực hiện được phép trừ số đo thời gian.
- HS vận dụng được việc trừ số đo thời gian để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: lập luận, tư duy toán học và giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;
 - Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. -HS chơi chuyền bóng theo nhạc khi bóng dừng ở HS nào thì HS đó trả lời câu hỏi về cộng số đo thời gian do một bạn chỉ huy đưa ra. + Câu 1: 15 giờ 35 phút + 3 giờ 20 phút= + Câu 2: 25 phút 35 giây + 20 phút 15 giây= + Câu 3: 24 giờ 46 phút + 15 giờ 35 phút = +Câu 4: 15 phút 35 giây + 9 phút 50 giây= - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 18 giờ 55 phút + Trả lời: 45 phút 50 giây + Trả lời: 39 giờ 81 phút = 40 giờ 21 phút + Trả lời: 24 phút 85 giây =25 phút 25 giây - HS lắng nghe.
2. Khám phá:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  + Có thể quan sát thấy nhật thực lúc mấy giờ? +Bây giờ mới là mấy giờ? + Vậy muốn biết bao lâu nữa mới có thể quan sát được nhật thực em làm thế nào? - GV chốt: Muốn biết bộ phim kết thúc lúc mấy giờ ta lấy 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút ? Em có nhận xét gì về phép trừ? ? Theo em 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút -GV nhận xét - GV hướng dẫn HS cách đặt tính -GV gọi HS nêu cách tính ? Muốn cộng số đo thời gian em làm thế nào? -GV nhận xét kết luận : + Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng.	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: + Có thể quan sát thấy nhật thực lúc 10 giờ 30 phút + bây giờ mới là 9 giờ 20 phút + 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút -HS lắng nghe - Phép trừ có số đo thời gian -10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút = 1 giờ 10 phút -HS nhận xét -HS chú ý -HS nêu -HS nêu:+ Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng. -HS lắng nghe
2. Hoạt động	

Bài 1. Tính.

a, 20 phút 25 giây - 12 phút 10 giây

16 giờ 30 phút - 12 giờ 30 phút

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV mời HS làm vào vở ý a.

-GV nhận xét, tuyên dương

b. Chọn câu trả lời đúng

Một ô tô đi từ Thanh Hóa lúc 14 giờ 5 phút và đến Nghệ An lúc 17 giờ 20 phút cùng ngày. Hỏi ô tô đó đi từ Thanh Hóa đến Nghệ An hết bao lâu?

A. 3 giờ 5 phút B. 3 giờ 15 phút

C. 3 giờ 25 phút

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

? Vậy để biết ô tô đó đi từ Thanh Hóa đến Nghệ An hết bao lâu em làm thế nào?

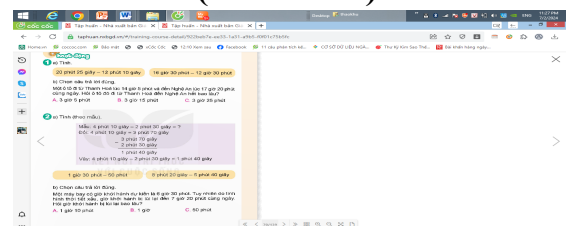
- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện để tính ra ý b

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

Bài 2. Tính (theo mẫu)



a. 1 giờ 30 phút - 50 phút

b. 8 phút 20 giây – 5 phút 40 giây

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.

-GV hướng dẫn HS trừ ở phép tính mẫu

? Theo em phép trừ số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép trừ số đo thời gian bài 1?

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS làm vào vở thực hiện cộng các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả

-HS báo cáo kết quả.

a, , 20 phút 25 giây - 12 phút 10 giây

= 8 phút 15 giây

16 giờ 30 phút - 12 giờ 30 phút

= 4 giờ

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.

- Em lấy 17 giờ 20 phút - 14 giờ 5 phút

- HS làm việc nhóm đôi

- Các nhóm báo cáo kết quả.

17 giờ 20 phút - 14 giờ 5 phút = 3 giờ 15 phút.

Chọn B.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi

-HS chú ý

-Số đo thời gian theo đơn vị giây ở số bị trừ bé hơn ở số .

- Mượn đơn vị ở Số bị trừ sau đó đổi đơn vị

-HS lắng nghe

? Số đo thời gian theo đơn vị giây ở số bị trừ bé hơn ở số trừ thì ta làm thế nào?

-GV nhận xét, kết luận:

Nếu số đo theo đơn vị nào đó ở số bị trừ bé hơn, số đo tương ứng ở số trừ thì ta chuyển đổi một đơn vị hàng lớn hơn liền kề sang đơn vị nhỏ hơn rồi thực hiện phép trừ như bình thường.

-GV gọi HS lên bảng làm ý a

-2 HS lên bảng – lớp BC

Đổi 1 giờ 30 phút = 90 phút

Đổi 8 phút 20 giây = 7 phút 80 giây

7 phút 80 giây

-

5 phút 40 giây

2 phút 40 phút

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

b. Chọn câu trả lời đúng

Một máy bay có giờ khởi hành dự kiến là 6 giờ 30 phút. Tuy nhiên, do tình hình thời tiết xấu, giờ khởi hành bị lùi lại đến 7 giờ 20 phút cùng ngày. Hỏi giờ khởi hành bị lùi lại bao lâu?

A 1 giờ 10 phút. B 1 giờ C. 50 phút.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.

-GV yêu cầu cả lớp thảo luận nhóm 4

-GV yêu cầu HS nêu cách làm và chọn đáp án.

-GV khác nhận xét, bổ sung

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi

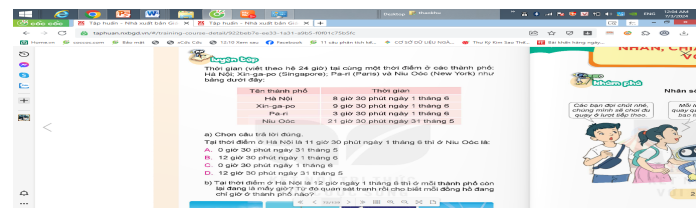
-HS thảo luận

- Em lấy 7 giờ 20 phút – 6 giờ 30 phút = 50 phút. Chọn đáp án C

-Nhóm khác nhận xét, bổ sung

4. Vận dụng trải nghiệm.

Bài 3.

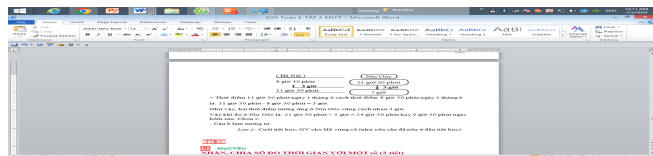


-21 giờ 30 phút ngày 31 tháng 5

a. Ở Hà Nội là 8 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6 thì ở Niu Oóc là mấy giờ?

-GV hướng dẫn HS giờ của hai thời điểm là khác nhau.

-GV đưa sơ đồ



? Thời điểm 11 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6 cách thời điểm 8 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6 mấy giờ?

? Hai thời điểm tương ứng ở Niu Oóc cũng cách nhau mấy giờ?

-Vậy khi đó ở Niu Oóc là mấy giờ?

-GV nhận xét, tuyên dương

b. Tương tự ý

-GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

-HS chú ý

-11 giờ 30 phút - 8 giờ 30 phút = 3 giờ.

-3 giờ

- 21 giờ 30 phút + 3 giờ = 24 giờ 30 phút hay 0 giờ 30 phút ngày hôm sau. Chọn C.

-HS nhận xét

Xin – ga - po : 13giờ

Pa – ri: 7giờ

Niu-Ooc : 1 giờ

-HS nêu từng nước qua 1 số tranh, chia sẻ 1 số thời gian chênh lệch

-HS khác nhận xét, bổ sung

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

BUỔI CHIỀU:

Khoa học:

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TUỔI DẬY THÌ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

+ Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.

+ Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.

+ Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể. Đặc biệt là vệ sinh quanh cơ quan sinh dục ngoài.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

- Giáo viên tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi “Ô chữ may mắn”

- Cách chơi theo đội: đội đầu tiên sẽ chọn một ô số giáo viên lịch câu hỏi chứa trong ô số, học sinh trả lời đúng hình ảnh sẽ hiện ra, trả lời sai sẽ mất lượt và câu trả lời thuộc về khán giả.

- GV khuyến khích nhiều HS chơi.

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: các em đã thực hiện nhiều việc làm để giữ vệ sinh cơ thể vậy vì sao cần thực hiện những việc làm đó chúng ta tìm hiểu tiết 2 của bài

- Cả lớp lắng nghe.

- Học sinh chơi theo đội chọn vô số trả lời câu hỏi bằng cách nêu việc cần làm phù hợp với bạn trong hình cả lớp đánh giá có thể đưa ra đáp án hỏi đồ chơi trả lời sai

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

Hoạt động khám phá 1: Sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì.

-Tổ chức theo nhóm, yêu cầu học sinh quan sát hình và thực hiện theo yêu cầu của Sách giáo khoa.

-Quan sát từ hình 9 đến hình 11 và cho biết các bạn trong hình đang gặp vấn đề gì các bạn cần làm gì ý nghĩa của việc làm đó?



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét, tuyên dương.

GV nhận xét và khen học sinh

Hoạt động khám phá 2: Nêu được tác hại của việc không thường xuyên giữ vệ sinh cơ thể:

- GV yêu cầu học sinh dựa vào vốn hiểu biết để trả lời câu hỏi:

- HS đọc thông tin và thảo luận theo nhóm:

-Hình 9: vấn đề ngứa da do không tắm.

+ Việc cần làm tắm rửa thường xuyên bằng nước ấm, nơi kín gió.

+Ý nghĩa da (cơ thể) sạch sẽ da thông thoáng không bị ngứa.

-Hình 10: Da mặt dính nổi mụn đỏ, vệ sinh da mặt chưa phù hợp.

+ Việc cần làm rửa mặt với nước sạch sẽ thường xuyên, ít nhất 2 lần/ngày.

+ Ý nghĩa sạch chất nhờn trên da không gây tắc lỗ chân lông.

-Hình 11: vấn đề ngứa xuất hiện mùi khác lạ do bị viêm cơ quan sinh dục.

+ Việc cần làm tắm rửa bằng nguồn nước sạch, vệ sinh cơ quan sinh dục, thay quần áo lót hàng ngày, cơ quan sinh dục luôn khô thoáng, phòng tránh viêm nhiễm, hạn chế vi khuẩn.

-HS lắng nghe.

-Nếu không thường xuyên giữ vệ sinh cơ thể sẽ có những tác hại rất lớn đối với cơ thể. Đó là: Làm cho

- Gọi nhiều HS chia sẻ. - Giáo viên nhận xét và kết luận.	cơ thể khó chịu gây cho chúng ta cảm giác mệt mỏi, có mùi khó chịu, dễ mắc các bệnh viêm nhiễm, lâu ngày sẽ mắc các bệnh mãn tính.
3. Hoạt động luyện tập.	
- GV yêu cầu làm việc cá nhân: Quan sát hình 12, 13 và cho biết các bạn làm chưa đúng điều gì, cách làm nào giữ đúng vệ sinh cơ thể? - GV lắng nghe ý kiến chia sẻ của HS. - GV nhận xét và kết luận.	-HS lắng nghe và hoàn thành Hình 12: + Việc làm chưa đúng: sau khi tắm xong mặc quần áo mà vẫn còn xà phòng trên người. + Cách làm đúng: xả kỹ cho sạch xà phòng trên người, lau người khô trước khi mặc quần áo. Hình 13: + Việc làm chưa đúng: có ý định mặc quần áo lót còn ẩm + Cách làm đúng: không dùng quần áo khi còn ẩm, đặc biệt là đồ lót. Cần hong (sấy) khô quần áo trước khi mặc. Mang quần áo ra ngoài chỗ có ánh sáng phơi để diệt khuẩn và nhanh khô.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- Đọc thông tin và nêu cách giữ vệ sinh của nam và nữ. - HS nêu cá nhân. - GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân. - GV tuyên dương những cá nhân nêu đầy đủ. - Dẫn dò về nhà.	- HS lắng nghe. - HS nêu cụ thể.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:

THÂN THIỆN VỚI NGƯỜI XUNG QUANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS trình bày được những cách thiết lập quan hệ thân thiện với những người xung quanh và ý nghĩa của việc làm đó.

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe – nói góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động.	
Hoạt động 1: Tìm hiểu một số câu tục ngữ Việt Nam - GV giáo viên đưa ra câu tục ngữ “Hàng xóm, láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau” và yêu cầu học sinh nêu ý nghĩa của câu tục ngữ đó. Kết luận: Việc xây dựng, thiết lập mối quan hệ thân thiện với những người xung quanh là rất cần thiết bởi chúng ta không sống một mình, chúng ta sống trong một cộng đồng với rất nhiều người xung quanh. Chúng ta cùng tìm hiểu chủ đề: <i>Thân thiện với người xung quanh</i>	- HS lắng nghe - Học sinh phát biểu ý kiến cá nhân về ý nghĩa của câu tục ngữ. Gợi ý: Mỗi người nên xây dựng mối quan hệ vui vẻ, hòa đồng với hàng xóm xung quanh. Hàng xóm láng giềng là người thân cận, có thể giúp đỡ ngay trong lúc ta gặp hoạn nạn, khó khăn - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá – Trải nghiệm chủ đề.	
Hoạt động 1: Nhận diện về mối quan hệ thân thiện với những người xung quanh. * Trò chơi: Tung bóng - Giáo viên nêu luật chơi: Giáo viên tung bóng, bạn nào nhận được bóng thì chia sẻ về mối quan hệ thân thiện của em với những người xung quanh.	- Học sinh tham gia trò chơi: kể những mối quan hệ thân thiện của mình với những người xung quanh.
* Chia sẻ những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện. - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, cùng nhau chia sẻ những nhiệm vụ sau: + Xác định những người em cần thiết lập quan hệ thân thiện.	- HS lắng nghe, nhận nhiệm vụ và thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. Gợi ý: Có thể dùng kỹ thuật khăn trải bàn.

- + Thảo luận những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện với những người xung quanh.
- + Lựa chọn những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày

- GV mời các nhóm góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét và kết luận: Để thiết lập mối quan hệ thân thiện với những người xung quanh, mỗi người nên tham gia vào những hoạt động chung, thực hiện những việc làm thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ, quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ nhau khi cần thiết,... Và để làm được điều đó, chúng ta cần luôn luôn quan sát, trò chuyện để biết về hoàn cảnh, thói quen, sở thích của những người xung quanh mình.

- Đại diện các nhóm trình bày (ví dụ):
- + Những người em cần thiết lập quan hệ thân thiện: Làng xóm, người dân khu vực mình sinh sống, bạn bè, thầy cô, nhân viên trong trường,...
- + Những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện: Chia sẻ, đồng cảm, giúp đỡ, hỗ trợ khi cần thiết, cùng tham gia các hoạt động tập chung,...
- Các nhóm góp ý bổ sung.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động 2: Thực hành thiết lập quan hệ thân thiện với những người xung quanh.

- * Sắm vai thể hiện cách ứng xử phù hợp để thiết lập quan hệ thân thiện.
- GV chia nhóm và mời đại diện mỗi nhóm một học sinh bốc thăm để lựa chọn tình huống sắm vai của nhóm.



- Học sinh lên bốc thăm tình huống sắm vai.

3 (Ctrl) ▾ Một cô giáo mới đến dạy thay cho thầy giáo cũ. 4 Trước đây bạn học ở trường nào? Một bạn học sinh mới chuyển từ nơi khác đến. - GV mời HS làm việc nhóm, thảo luận để chuẩn bị sắm vai. - Giáo viên tổ chức cho các nhóm lên sắm vai thể hiện cách ứng xử trong tình huống đã bốc thăm được. - GV nhận xét, tuyên dương. * Thảo luận và nhận xét về cách ứng xử đã thể hiện để thiết lập quan hệ thân thiện. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm cũ, thảo luận và nhận xét về cách ứng xử đã thể hiện để thiết lập quan hệ thân thiện. - GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm góp ý, bổ sung. - GV nhận xét và kết luận: Mỗi khi chúng ta biết cách thể hiện sự thân thiện thì sẽ tạo ra một không gian ấm áp khiến ai cũng cảm thấy tươi vui, hạnh phúc.	- HS thảo luận nhóm, lựa chọn cách ứng xử phù hợp để thiết lập quan hệ thân thiện phù hợp với tình huống nhóm mình bốc thăm được và luyện tập sắm vai. - Từng nhóm lên sắm vai trước lớp. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung. - Học sinh lắng nghe, nhận nhiệm vụ và thảo luận nhóm theo yêu cầu của giáo viên. - Đại diện các nhóm trình bày theo quan điểm riêng của nhóm. - Các nhóm góp ý bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
3. Hoạt động mở rộng và tổng kết.	
Hoạt động chia sẻ kỉ niệm về cách ứng xử tốt đẹp của em đối với những người xung quanh. - GV mời HS thảo luận nhóm kể cho nhau nghe một kỉ niệm về cách ứng xử tốt đẹp của em đối với những người xung quanh: + Đó là hoạt động gì? Em giúp đỡ ai? Vì sao em cảm thấy ấn tượng với hoạt động đó? + Nêu cảm xúc của em sau khi làm việc đó? - GV mời đại diện các nhóm trình bày - GV biểu dương những việc tốt đẹp các em đã làm.	- HS thảo luận, nhớ lại và kể cho bạn nghe điều tốt đẹp em đã làm về cách ứng xử với mọi người và nêu cảm xúc của em về việc làm đó. - Đại diện các nhóm trình bày - Các nhóm góp ý, bổ sung. - HS lắng nghe.
5. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV đề nghị cả lớp cùng làm một động tác và nở một nụ cười thật tươi, rạng rỡ để thể hiện sự thân thiện với nhau.	- HS thể hiện sự thân thiện với bạn ngồi bên cạnh.

- Giáo viên đề nghị học sinh tiếp tục thể hiện việc giao tiếp thân thiện với các bạn trong lớp, các bạn lớp khác và những người xung quanh. - Nhận xét, dặn dò.	- HS thực hiện. - HS lắng nghe, chuẩn bị.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

Giáo dục thể chất:

DẪN BÓNG THAY ĐỔI TỐC ĐỘ, DẪN BÓNG THEO ĐƯỜNG VÒNG. (TIẾT 3) I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng trong môn Bóng rổ.
- Bước đầu vận dụng được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng vào trong các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; thể dục thể thao
- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- + Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.
- + Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

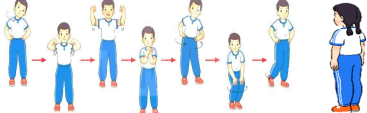
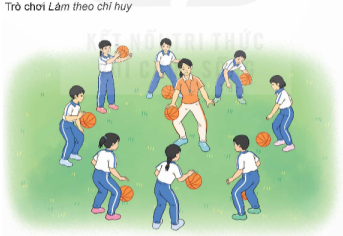
III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

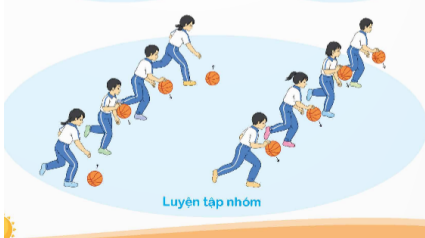
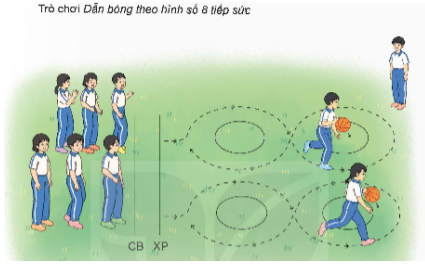
- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7'		
1. Nhận lớp:		Gv nhận lớp, thăm	Đội hình nhận lớp

- Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	 - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học
2. Khởi động:	2Lx8N 2Lx8N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động

- Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) - Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)			 - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi “Làm theo chỉ huy” - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi  - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7’		
1. Khám phá 2. Hình thành động tác mới: * Dẫn bóng theo đường vòng bên phải:  -TTCB: Đứng chân trước chân sau, hai tay cầm bóng trước bụng. -Động tác: Đưa bóng về tay trái, dẫn bóng lên trước, tay tiếp xúc vào nửa sau và hơi sang trái của bóng, chân và thân người hướng theo đường vòng về phía bên phải.		- GV giới thiệu tên động tác. - GV làm mẫu động tác và phân tích kỹ thuật động tác. - Cho HS xem tranh, ảnh, video ... nhấn mạnh ý chính của động tác. - GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác. -GV gọi 1-2 HS lên tập, GV cùng HS quan sát, nhận xét, rút kinh nghiệm	Đội hình HS quan sát tranh, tập mẫu  - HS quan sát tranh, HS hoặc nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi. - Hs quan sát mẫu và ghi nhớ cách thực hiện. - Nêu các câu hỏi thắc mắc nếu có. -1 -2 HS lên thực hiện động tác. GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương - HS lắng nghe

3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS thực hiện bài tập 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	Luyện tập  - HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kỹ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16'		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ  - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	 + Yêu cầu: 1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập... Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
3. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.
4. Trò chơi vận động: * Trò chơi: “Dẫn bóng theo hình số 8 tiếp sức”	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua.	ĐH chơi trò chơi Trò chơi Dẫn bóng theo hình số 8 tiếp sức 

		<i>Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.</i>	- Hs chơi theo hướng dẫn của Gv -HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5'		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc). 2. Vận dụng:		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân - GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	Đội hình hồi tĩnh  - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe đề khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

.....

Thứ Ba ngày 24 tháng 03 năm 2026

Tiếng Việt:

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ 2 (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- HS nhớ lại tên các bài thơ, các hình ảnh chi tiết thú vị gợi cảm xúc trong bài thơ.
- HS đọc hiểu được văn bản.
- Củng cố kiến thức về kết từ, cặp từ hô ứng, liên kết câu.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV giới thiệu trò chơi “ Ô cửa bí mật” GV phổ biến luật chơi: Cô giáo có 6 ô cửa bí mật , mỗi ô cửa có chứa 1 câu thơ. Ai nêu được tên bài thơ sẽ mở được ô cửa bí mật và được tặng phần thưởng. a. Em vui em hát Hạt vàng làng ta... b. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng. c. Con đã lớn khôn, đọc được cả những điều Chưa được viết trong thư người lính biển. d. Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then, đêm sập cửa. e. Ông đứng như bụi hiện Chờ châu cuối đường quê. - GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. - GV khen thưởng những học sinh có đáp án đúng. - Trò chơi vừa rồi cũng là nội dung một phần trong bài tập 1 phần ôn tập hôm nay.	. - HS chơi trò chơi và nêu tên bài thơ tương ứng với mỗi cánh cửa bí mật. a. Hạt Gạo Làng Ta - Trần Đăng Khoa b, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm c. Thư của bố - Thụy Anh d, Đoàn Thuyền Đánh Cá - Huy Cận e, Đường Quê Đồng Tháp Mười - Trần Quốc Toàn.
2. Ôn tập:	
Bài 1/ 78: Nêu tên bài thơ có chứa các dòng thơ trên.Trong mỗi bài thơ, em thích hình ảnh nào nhất? Vì sao? Đọc thuộc lòng 2-3 khổ thơ mà em thích. - Thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu trên. - GV quan sát các nhóm làm việc và ghi điểm khen ngợi những nhóm làm việc tốt và khen ngợi những cá nhân phát biểu tốt trước lớp.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm việc theo nhóm, đọc cho nhau nghe và nêu cảm nhận. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét. - HS lắng nghe.

Bài 2/79 Đọc và trả lời câu hỏi:

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2
- GV mời HS đọc đoạn văn, cả lớp đọc thầm.
- HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi cuối bài
- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt:

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.
- HS đọc.

Câu 1: Chiếc quạt mo được miêu tả như thế nào trong bài đọc:

- Nguyên liệu Mo Cau khu rừng
- Cách làm: cắt mo cau thành hình quạt giống tai voi, rất vừa tay cầm.
- Màu sắc: nâu sẫm.

-Đặc điểm khác: nhiều nếp nhăn

Câu 2: Chiếc quạt mo gợi nhớ những kỷ niệm gì về bà trong tuổi thơ của người cháu ?

- Những kỉ niệm như cháu quạt cho bà khi bà đi chợ xa về; Bà ôm cháu vào lòng nói: “ Cháu bà thương bà nhất”; Hai bà cháu nằm võng, bà quạt cho cháu ngủ.

- Kể lại giấc mơ của người cháu về chiếc quạt mo? Theo em giấc mơ đó có gì thú vị ?

- Người cháu đã mơ thấy mình cầm quạt mo và gặp phú ông. Sau đó, người cháu mơ thấy mình cười trâu của Phú ông đi ngang qua một ao cá người cháu rất hoảng hốt. Vì thấy mình đã đủ chiếc quạt mo lấy trâu của cụ ông.

- Nêu biện pháp liên kết câu trong mỗi đoạn?

- Giấc mơ đó có gì thú vị ?

- Giấc mơ đó thú vị vì tái hiện lại bài đồng dao về chiếc quạt mo, cậu bé nghĩ mình giống như thằng Bờm có điều Thằng Bờm không đổi quạt, còn cậu bé với sự hồn nhiên và vô tư của một đứa trẻ đã tổ chức quạt lấy chú trâu mập mạp của Phú ông. Đó, có lẽ cũng là cách suy nghĩ phổ biến của nhiều bạn nhỏ.

- Chi tiết người cháu khi lớn vẫn giữ một chiếc quạt mo làm kỷ niệm gợi cho em suy nghĩ : cháu rất gần gũi với bà nhớ bà và luôn luôn muốn giữ kỷ

Bài 3/ 80: Chơi trò chơi” Đi tìm kho báu”

- HS đọc yêu cầu bài tập.
- GV nêu luật chơi: mỗi nhóm 3- 4 học sinh. Mỗi nhóm chuẩn bị một Xúc Xắc và số quân cờ tương ứng số lượng thành viên trong nhóm. Mỗi nhóm xác định thứ tự chơi của các thành viên học sinh lần lượt tung xúc xắc để xác định số mình được đi. Đến ô nào học sinh phải nói được câu ghép chứa kết từ hoặc cặp từ hô ngữ có trong ô. Nếu nói được câu đúng yêu cầu học sinh sẽ được đứng ở ô đó và lượt chơi tiếp tục dành cho người sau nếu không nói được hoặc nói không đúng học sinh sẽ phải quay trở lại ô mình đã xuất phát.
- Trong quá trình chơi học sinh góp ý cho nhau để đạt được những câu ghép đúng hay – GV quan sát các nhóm làm việc ghi lại những câu hay của học sinh, đề nghị học sinh đọc trước lớp.
- GV tổng kết trò chơi khen ngợi các nhóm chơi nhanh nhiều lượt và gặp được nhiều.

niệm bên mình, người cháu là người rất tình cảm .

3. Chơi trò chơi: Tìm kho báu.

Tung xúc xắc để biết được đi mấy ô.

Đến ô nào, phải nói được một câu ghép chứa từ hoặc cặp từ nối các vế được viết trong ô đó.

Người nào đến ô có kho báu trước, người đó chiến thắng.

Ví dụ: Đi vào ô chứa cặp từ vì... nên ...
→ Vì giờ học nào cũng đầy ắp tiếng cười nên chúng tôi luôn thích đi học.

Lùi lại 4 ô

... còn ...

May mắn! đi tiếp 2 ô

Mặc dù ... nhưng ...

Nhờ ... mà ...

May mắn! đi tiếp 1 ô

... nhưng ...

May mắn! đi tiếp 3 ô

... rồi ...

... và ...

Nếu ... thì ...

May mắn! đi tiếp 4 ô

Tuy ... nhưng ...

Vì ... nên ...

- HS chơi trò chơi-

3. Vận dụng trải nghiệm.

- GV nêu yêu cầu để HS tha gia vận dụng:
+ Nêu các ví dụ về các câu có sử dụng kết từ hoặc cặp từ hô ứng
- GV nhận xét, kết luận chung
- GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- HS nối tiếp nhau nêu
- Lớp nhận xét, bổ sung
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Toán:

BÀI 58: NHÂN, CHIA SỐ ĐO THỜI GIAN VỚI MỘT SỐ(T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS thực hiện được phép nhân số đo thời gian.
- HS vận dụng được việc nhân số đo thời gian để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;

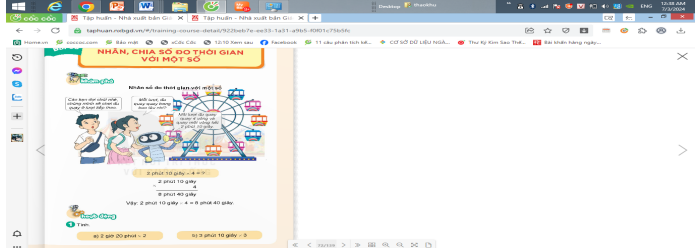
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: $23 \times 5 = \dots$ + Câu 2: $36 \times 7 = \dots$ + Câu 3: $15 \text{ giây} \times 4 = \dots \text{ giây} = \dots \text{ phút}$ + Câu 4: $47 \text{ phút} \times 5 = \dots \text{ giờ} = \dots \text{ phút}$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: $23 \times 5 = 115$ + Trả lời: $36 \times 7 = 252$ + Trả lời: $15 \text{ giây} \times 4 = 60 \text{ giây} = 1 \text{ phút}$ + Trả lời: $47 \text{ phút} \times 5 = 3 \text{ giờ} = 55 \text{ phút}$ - HS lắng nghe.
2. Khám phá:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  + Mỗi lượt đu quay quay bao nhiêu vòng? + Quay một vòng hết bao lâu? + Vậy mỗi lượt đu quay quay trong bao lâu? - GV chốt: Vậy mỗi lượt đu quay quay trong bao lâu ta lấy: $2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 4$? Em có nhận xét gì về phép nhân? - $2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 4 =$ - GV nhận xét - GV hướng dẫn HS cách đặt tính - GV gọi HS nêu cách tính ? Muốn cộng số đo thời gian em làm thế nào? - GV nhận xét kết luận : + Đặt tính thẳng hàng và thực hiện tương tự tính như đối với phép nhân các số tự nhiên. + Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng.	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: - 4 vòng - 2 phút 10 giây. - $2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 4$ - HS lắng nghe - Nhân có số đo thời gian với số tự nhiên - $2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 4 = 8 \text{ phút } 40 \text{ giây}$ - HS nhận xét - HS chú ý - HS nêu + Đặt tính thẳng hàng và thực hiện tương tự tính như đối với phép nhân các số tự nhiên. Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng. - HS lắng nghe
2. Hoạt động	
Bài 1. Tính.	

- a. 2 giờ 20 phút x 2
- b. 3 phút 10 giây x 3
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1.
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

Bài 2. Tính (theo mẫu)



- a. 2 phút 30 giây x 3
- b. 3 giờ 30 phút x 2
- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV hướng dẫn HS cộng ở phép tính mẫu

? Theo em phép cộng số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép cộng số đo thời gian bài 1?
 ? Thực hiện phép cộng được số đo thời gian là 75 phút (lớn hơn 1 giờ) thì ta có thể làm gì?

-GV nhận xét, kết luận:
 Nếu số đo thời gian ở đơn vị, bé có thể chuyển đổi sang đơn vị lớn thì ta thực hiện chuyển đổi sang đơn vị lớn hơn.

- GV mời HS làm vào vở ý a.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

b. Chọn câu trả lời đúng

Viết thiết kế một trò chơi gồm 10 câu hỏi với thời gian dành cho mỗi câu hỏi là 1 phút 30 giây. Hỏi trò chơi viết thiết kế có thời gian bao lâu?

A. 10 phút 30 giây B. 15 phút C. 300 giây.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.

? Muốn biết trò chơi Viết thiết kế có thời gian bao lâu em làm thế nào?

- GV yêu cầu cả lớp thảo luận nhóm 4
- GV yêu cầu HS nêu cách làm và chọn đáp án.
- GV nhận xét, bổ sung

4. Vận dụng trải nghiệm.

Bài 3.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1:
- Các nhóm báo cáo kết quả.
- a. 2 giờ 20 phút x 2 = 4 giờ 40 phút
- b. 3 phút 10 giây x 3 = 9 phút 30 giây
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi
- HS chú ý
- Có số đo thời gian phút là 75 phút

- Đổi đơn vị

- HS lắng nghe

- HS làm vào vở thực hiện cộng các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả
- HS báo cáo kết quả. \

- HS khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.
- Em lấy: 1 phút 30 giây x 10

- HS làm việc nhóm
- Các nhóm báo cáo kết quả.
- 1 phút 30 giây x 10 = 10 phút 300 giây
- Chọn B.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

-GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:



-Bạn Mai đã xem đi xem lại video bao nhiêu lần?

- Một video có thời lượng bao lâu?

- Để biết được Mai đã xem video trong bao lâu em làm thế nào?

? Em có nhận xét gì về số 4, 25 phút?

? Vậy để thực hiện được phép nhân này em làm thế nào?

-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4

-GV nhận xét, tuyên dương.

-HS chia sẻ thời gian mình học ở nhà, chơi trò chơi trong bao lâu.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

-HS quan sát

-5 lần

-4,25 phút.

-4,25 phút x 5

-Số thập phân

-Đổi 4,25 phút = 4 phút 25 giây

-Các nhóm thảo luận

-Đại diện các nhóm trình bày

**Mai đã xem video trong bao lâu là:
4 phút 15 x 5 = 21 phút 15 giây**

-Nhóm khác nhận xét, bổ sung

-HS chia sẻ

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Lịch sử & Địa lí:

Bài 21: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Khai thác lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về khu vực Đông Nam Á.

*** Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: yêu nước; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

Giáo viên: Đàm Thị Ngân

Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK (trang 90) thảo luận theo nhóm bàn và trả lời các câu hỏi sau:

Dựa vào kiến thức của bản thân và quan sát hình 1, em hãy:

+ Cho biết các quốc gia ở khu vực nào tham gia sự kiện này?

+ Chia sẻ hiểu biết của em về sự kiện này.

- GV mời một số nhóm trình bày



▲ Hình 1. Biểu trưng và linh vật của Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games) lần thứ 31 tại Việt Nam

- Theo em ở Đại hội thể thao này gồm những môn thể thao nào?

- GV tổ chức cho HS xem một đoạn video giới thiệu về một số môn thể thao ở SEA game 31.

<https://youtu.be/3cg3UZ0Ez7o?si=XMIZd9M5UScGPSDD>

- GV dẫn dắt vào bài mới:

SEA game 31 là một sự kiện văn hóa – thể thao lớn của khu vực Đông Nam Á, tổ chức thường niên 2 năm một lần. Những hình ảnh chúng ta vừa tìm hiểu là sự kiện được tổ chức tại Việt Nam vào năm 2021 và có sự tham gia của 11 nước Đông Nam Á. Vậy Đông Nam Á ở đâu và gồm những nước nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay

2. Hoạt động khám phá:

Hoạt động 1: Vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 2. Lược đồ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi và trả lời các câu hỏi sau:

+ Xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.

+ Kể tên các nước trong khu vực Đông Nam Á

- Cả lớp quan sát tranh.

- HS thảo luận, trao đổi với bạn cùng bàn và ghi kết quả thảo luận ra nháp.

- Đại diện một số nhóm trình bày.

+ Các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á tham gia vào sự kiện này.

+ Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 được tổ chức tại Việt Nam, linh vật là Sao La,...

- HS trả lời: Bơi, chạy, đấu kiếm, võ,...

- HS quan sát.

- HS lắng nghe.

- HS đọc thông tin và quan sát tranh, thảo luận theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

+ **Khu vực Đông Nam Á ở phía đông nam châu Á.**

+ **Tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.**

+ **Đông Nam Á gồm có 11 nước: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Ti-mo Lét-xtê, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây; gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.**

- GV tổ chức cho HS xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trên lược đồ.

- GV gọi HS lên xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.

- GV gọi HS lên xác định vị trí các nước trong bộ phận Đông Nam Á lục địa và vị trí các nước trong phần Đông Nam Á hải đảo.

- GV mở rộng: *Đông Nam Á có vị trí mang tính chiến lược ở khu vực châu Á và trên thế giới. Đông Nam Á nằm trên điểm kết nối của một trong hai tuyến đường hàng hải nhộn nhịp nhất thế giới và là nơi giao thoa của hai nền văn minh lớn (Trung Hoa và Ấn Độ). Tất cả các đặc điểm trên tạo thuận lợi cho các quốc*

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

+ Khu vực Đông Nam Á ở phía đông nam của châu Á, tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

+ Đông Nam Á gồm có 11 nước: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Ti-mo Lét-xtê, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây; gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

- HS lắng nghe.

- HS quan sát lược đồ trên bảng lớp và xác định vị trí khu vực và các nước Đông Nam Á.

- 2 HS lên xác định trên lược đồ.

+ Đông Nam Á lục địa: Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma.

+ Đông Nam Á hải đảo: In-đô-nê-xi-a, Ti-mo Lét-xtê, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây

- HS lắng nghe.

gia trong khu vực Đông Nam Á tiếp cận và giao lưu, hợp tác và buôn bán với những nền kinh tế lớn nhất thế giới.

3. Hoạt động luyện tập.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc lại nội dung kiến thức của bài học và xác định vị trí khu vực và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

- GV tổ chức cho HS thảo luận trao đổi với bạn trong bàn, khai thác lược đồ hình 2 trang 91 định vị các quốc gia bằng thước kẻ hoàn thành bảng kiểm sau:

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẦN NHAU VỀ XÁC ĐỊNH CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CỦA ASEAN TRÊN LƯỢC ĐỒ

STT	Nội dung	Có/không
1	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Việt Nam trên lược đồ (có thể xác định bằng cách chỉ vào một vị trí ở giữa của quốc gia (hoặc thủ đô) hoặc đi thuộc theo biên giới lãnh thổ của quốc gia)	
2	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Thái Lan trên lược đồ	
3	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Lào trên lược đồ	
4	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Cam-pu-chia trên lược đồ	
5	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Mi-an-ma trên lược đồ	
6	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Ma-lai-xi-a trên lược đồ	
7	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Xin-ga-po trên lược đồ	
8	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Phi-lip-pin trên lược đồ	
9	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Bru-nây trên lược đồ	
10	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của In-đô-nê-xi-a trên lược đồ	

- GV tổng kết.

- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV mời HS chia sẻ một số hiểu biết của mình về các nước Đông Nam Á (ngoài Lào và Cam – pu – chia đã học)

- GV nhận xét tuyên dương.

- GV cho HS xem một số hình ảnh kiến trúc, văn hóa và con người ở các nước Đông Nam Á.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dẫn dò về nhà học sinh sưu tầm về hình ảnh quốc kì của một số quốc gia ở Đông Nam Á.

- HS lắng nghe và thực hiện.

- HS tham gia trao đổi với bạn.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 4 – 5 HS chia sẻ trước lớp.

- HS lắng nghe

- HS quan sát tranh, ảnh.

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

BUỔI CHIỀU:

Đạo đức:

Bài 7: PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI (Tiết 2)

Giáo viên: Đàm Thị Ngân

Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được một số biểu hiện xâm hại.
- Biết vì sao phải phòng tránh xâm hại.
- Biết được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.
- Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp, hợp tác ; điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân thông qua việc biết phòng tránh xâm hại cho bản thân.
 - Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện qua việc biết quý trọng bản thân, biết phòng, tránh và chống lại các hành vi xâm hại trẻ em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức cho HS tham gia chơi trò chơi “Tiếp sức”: Kể tên các hành vi xâm hại trẻ em. + GV chọn 2 đội chơi (trên tinh thần xung phong), mỗi đội 3 HS. + GV chia bảng làm 2 cột, phổ biến luật chơi: Lần lượt từng thành viên trong mỗi đội ghi 1 hành vi xâm hại trẻ em. Trong thời gian 3 phút, đội nào có nhiều đáp án đúng hơn sẽ thắng. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia chơi. - Các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, đánh giá.
2. Hoạt động khám phá: Hoạt động 2: Tìm hiểu vì sao phải phòng tránh xâm hại. <i>Nhiệm vụ 1: Dự đoán hậu quả (6 phút)</i> - Bằng kỹ thuật Tia chớp, GV hướng dẫn HS quan sát tranh ở Hoạt động 1 để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy dự đoán điều gì có thể ra đời với các bạn trong tranh.</i>	- HS quan sát tranh, suy nghĩ, xung phong trả lời nhanh. + Tranh 1: bạn nam bị người đàn ông đánh gây đau đớn. Bạn có thể phải chịu những vết sẹo, những đi chứng trên cơ thể suốt đời, có thể gây chậm phát triển khả năng vận động, ngôn ngữ, nhận thức, giao tiếp xã hội..... + Tranh 2: bạn nữ bị người đàn ông sờ vào người gây khó chịu, sợ hãi. Nếu sự việc này lặp lại nhiều lần, bạn có thể bị hoảng loạn tinh thần, không tin tưởng vào người khác; buồn rầu, chán nản và tự đổ lỗi, không còn yêu thương quý trọng bản thân..

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3 <i>Mình mệt và đói quá!</i>  4 <i>Mình xấu hổ quá! Mẹ cứ mắng mình trước mặt mọi người.</i> 	+ Tranh 3: bạn nam đói, mệt mà bố không quan tâm. Bạn có thể bị gầy yếu, suy dinh dưỡng, lo âu, trầm cảm, thậm chí rối loạn căng thẳng... + Tranh 4: bạn nam bị mẹ mắng ở nơi công cộng khiến bạn xấu hổ. Bạn có thể trở nên tự ti, mặc cảm với bản thân và nghĩ rằng mẹ không yêu thương mình, từ đó bạn dần xa lánh bố mẹ, bạn bè,... - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
- GV lần lượt chiếu từng tranh, mời HS trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, tuyên dương. <i>Nhiệm vụ 2: Đọc các trường hợp a, b, c, d và trả lời câu hỏi (6 phút)</i> - GV hướng dẫn HS đọc 4 trường hợp ở mục 2 Hoạt động Khám phá, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu hậu quả mà các bạn Hạt, Cân, Mận, Khởi phải gánh chịu?</i>	- HS đọc 4 trường hợp, thảo luận nhóm đôi, viết tóm tắt câu trả lời ra nháp. - HS đại diện nhóm, xung phong trả lời câu hỏi. + Trường hợp a: Bạn Hạt ngày càng trở nên nhút nhát, sợ sệt và chậm chạp hơn. + Trường hợp b: Bạn Cân trở nên lì đòn, hay cáu kỉnh và bắt nạt các bạn trong lớp do bạn thường xuyên bị đánh. + Trường hợp c: Bạn Mận gần như rơi vào trạng thái trầm cảm, ít nói, ít cười, không chia sẻ với ai, đặc biệt là rất sợ hãi người khác giới. + Trường hợp d: Bố mẹ thường xuyên vắng nhà nhiều ngày, khiến cho hai anh em Khởi không được quan tâm, chăm sóc chu đáo. Cả hai đều còi cọc và kết quả học tập sa sút.
- Giáo viên mời đại diện nhóm trả lời câu hỏi lần lượt mỗi nhóm trả lời một trường hợp.	- HS đọc 4 trường hợp, thảo luận nhóm đôi, viết tóm tắt câu trả lời ra nháp. - HS đại diện nhóm, xung phong trả lời câu hỏi. + Trường hợp a: Bạn Hạt ngày càng trở nên nhút nhát, sợ sệt và chậm chạp hơn. + Trường hợp b: Bạn Cân trở nên lì đòn, hay cáu kỉnh và bắt nạt các bạn trong lớp do bạn thường xuyên bị đánh. + Trường hợp c: Bạn Mận gần như rơi vào trạng thái trầm cảm, ít nói, ít cười, không chia sẻ với ai, đặc biệt là rất sợ hãi người khác giới vì bạn từng suýt bị xâm hại. + Trường hợp d: Anh em bạn Khởi không được quan tâm, chăm sóc chu đáo do bố mẹ bạn thường xuyên vắng nhà nhiều ngày, khiến cho hai anh em còi cọc và có kết quả học tập không tốt. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét
- GV nhận xét, tuyên dương. <i>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu lí do phải phòng, tránh xâm (6 phút)</i> - GV áp dụng kĩ thuật khăn trải bàn, hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi: <i>Theo em, vì sao phải phòng, tránh xâm hại?</i>	- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ viết vào khăn trải bàn. - Các nhóm đính kết quả thảo luận lên bảng, đại diện nhóm trình bày kết quả. + Về thể chất: chậm phát triển khả năng vận động, nhận thức, ngôn ngữ,... + Về hành vi: lệ thuộc, thụ động, hoàn toàn phục tùng người khác hoặc trở nên

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. – GV nhận xét và kết luận: Xâm hại trẻ em gây ra những tổn thương nghiêm trọng và lâu dài cả về thể chất và tâm lý đối với người bị xâm hại. Do vậy, việc phòng, tránh xâm hại trẻ em là việc làm hết sức cần thiết để trẻ em được lớn lên trong tình yêu thương, được chăm sóc và phát triển toàn diện.	tiêu cực, hiểu lầm, phá phách không yêu thương bản thân, có thể tự làm đau mình; + Về tâm lý: Bị hoảng loạn tinh thần, không tin tưởng vào người khác và môi trường xung quanh; buồn rầu, chán nản và tự đổ lỗi; khả năng tập trung kém; không còn yêu thương quý trọng bản thân, tự ti, tự hạ thấp giá trị bản thân,... - Các học sinh khác lắng nghe nhận xét
Hoạt động 3: Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em (10 phút)	
- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK trang 49, mục 3 của hoạt động Khám phá. - GV gọi 1 HS đọc to trước lớp. - GV mời một vài HS trả lời câu hỏi. + <i>Pháp luật quy định thế nào là xâm hại trẻ em?</i> + <i>Người có hành vi xâm hại trẻ em sẽ phải chịu những hình phạt như thế nào ?</i> + <i>Ai có trách nhiệm phòng tránh xâm hại trẻ em ?</i> + <i>Số tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em là gì?</i> - GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả làm việc của HS và kết luận: Trẻ em cần được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự. Phòng, tránh xâm hại trẻ em không chỉ là trách nhiệm của cá	- HS làm việc cá nhân, đọc thầm thông tin SGK/49. - 1 HS đọc to. - HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. + Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác (khoản 5 điều 4 luật trẻ em 2016 sửa đổi bổ sung năm 2018). + Bất kì hành vi nào làm tổn hại đến trẻ em, tùy theo mức độ, tính chất và hậu quả có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. + Phòng tránh xâm hại trẻ em là trách nhiệm của toàn xã hội. + Số tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em là 111.

A a) Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. b) Hay vừa có tiếng chim ở một nơi nào xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chẳng? c) Gió bắt đầu thổi rào rào cùng với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. d) Một làn hơi đất nhẹ toả lên, phủ mờ những cây cúc áo, rồi tan dần theo hơi ẩm mặt trời. e) Con chó sủa bỗng ngưng ngác, không hiểu các con vật trước mặt làm thế nào lại biến đi một cách nhanh chóng đến như vậy. B Câu đơn Câu ghép	- HS đọc bài, tìm ghi ra vở, phiếu nhóm, đổi vở soát theo bàn, chữa bài vào vở. Học sinh nối tiếp đọc , ghi vào vở bài tập cá nhân
Bài 2. Trong câu ghép sau, các vế câu được liên kết với nhau nhờ phương tiện gì? Nghe động tiếng chân con chó sủa nguy hiểm, những con vật thuộc loài bò sát có bốn chân to hơn ngón chân cái liền quét chiếc đuôi dài chạy tứ tán, con núp dưới gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây, con đeo trên tán lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái. Bài 3. Đặt câu theo yêu cầu sau: a) Câu có cặp kết từ: Vì... nên b) Câu có cặp kết từ: Chẳng những... mà còn Bài 4. Dựa vào bài đọc, viết đoạn văn (4 - 5 câu) về sự biến đổi của khu rừng theo thời gian, trong đó có sử dụng các từ ngữ lúc đầu, sau đó, cuối cùng. - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu. - GV cho HS đọc kết quả. - HS đọc lại bài tập - GV nhận xét, chốt kết quả. □ GV chốt tác dụng của các cách liên kết câu.... - HS đọc lại bài tập - GV nhận xét, chốt kết quả liên hệ cách dùng từ phù hợp 3. HĐ Vận dụng - Chia sẻ với người thân cách viết từ thay thế - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương HS. - Nhận xét giờ học. - Dặn chuẩn bị bài sau.	- Học sinh viết vở nối tiếp nêu từ vừa gạch - Học sinh viết vở cá nhân chia sẻ trước lớp ,lớp theo dõi nhận xét bạn và chữa. - HS thực hiện - HS chia sẻ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Thứ Tư ngày 25 tháng 03 năm 2026

Toán:

BÀI 58 : NHÂN, CHIA SỐ ĐO THỜI GIAN VỚI MỘT SỐ (T2)

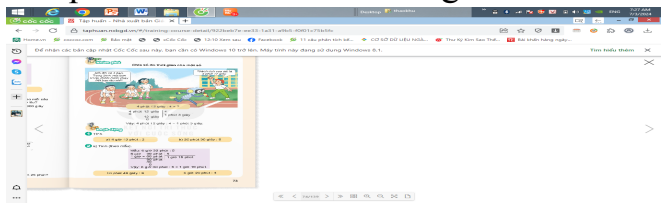
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS thực hiện được phép chia số đo thời gian.
- HS vận dụng được việc chia số đo thời gian để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: lập luận, tư duy toán học và giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;
 - Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

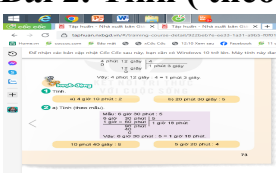
- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: 12 phút 35 giây + 5 phút 15 giây =.... + Câu 2: 36 giờ 45 phút – 15 giờ 20 phút = + Câu 3: 20 giờ 15 phút x 3= +Câu 4: 15 phút 20 giây x 2 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 17 phút 50 giây + Trả lời: 21 giờ 25 phút + Trả lời: 60 giờ 45 phút + Trả lời: 30 phút 40 giây - HS lắng nghe.
2. Khám phá:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  + Mỗi đội có mấy bạn? + 4 bạn chạy hết bao lâu? + Vậy mỗi bạn chạy hết bao lâu em làm thế nào? - GV chốt: Vậy mỗi bạn chạy hết bao lâu ta lấy	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: -4 bạn -4 phút 12 giây. -4phút 12 giây : 4

Giáo viên: **Đàm Thị Ngân**

Trường **TH&THCS Hoàng Hoa Thám**

4 phút 12 giây : 4 ? Em có nhận xét gì về phép chia? 4 phút 12 giây : 4 -GV nhận xét - GV hướng dẫn HS cách đặt tính 4 phút 12 giây 4 -GV gọi HS nêu cách tính 4 phút 12 giây 0 4 1 phút 3 giây 12 giây 0 ? Muốn chia số đo thời gian em làm thế nào? - GV nhận xét kết luận : +Đặt tính chia số đo thời gian tương tự như chia số tự nhiên. +Thực hiện phép chia từng số đo thời gian ở số bị chia cho số chia theo thứ tự từ trái sang phải. + Sau mỗi lượt chia ta ghi số đo thời gian tương ứng vào bên cạnh kết quả.	- Chia số đo thời gian cho một số 4 phút 12 giây : 4 = 1 phút 3 giây -HS nhận xét -HS chú ý -HS nêu -Đặt tính chia số đo thời gian tương tự như chia số tự nhiên. Thực hiện phép chia từng số đo thời gian ở số bị chia cho số chia theo thứ tự từ trái sang phải. Sau mỗi lượt chia ta ghi số đo thời gian tương ứng vào bên cạnh kết quả. - HS lắng nghe, lắng nghe
2. Hoạt động Bài 1. Tính. a. 4 giờ 10 phút : 2 b.20 phút 30 giây : 5 - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện chia các số đo thời gian trong bài tập 1. - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) Bài 2. Tính (theo mẫu)  a. 10 phút 40 giây : 8 5 giờ 20 phút : 4 - GV mời HS đọc yêu cầu bài. -GV hướng dẫn HS chia ở phép tính mẫu	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc nhóm đôi: thực hiện chia các số đo thời gian trong bài tập 1: - Các nhóm báo cáo kết quả. a. 4 giờ 10 phút : 2 = 2 giờ 5 phút b.20 phút 30 giây : 5 = 4 phút 6 giây - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi -HS chú ý -Sau lượt chia thứ nhất số dư khác 0

? Theo em phép chia số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép chia số đo thời gian bài 1?

? Sau mỗi lượt chia thứ nhất số dư 1(khác 0) thì em làm thế nào?

-GV nhận xét, kết luận:

Sau mỗi lượt chia, nếu số dư khác 0, ta chuyển đổi sang đơn vị hàng nhỏ hơn liền kề rồi tiếp tục chia.

- GV mời HS làm vào vở ý a.

- Sau mỗi lượt chia, nếu số dư khác 0, ta chuyển đổi sang đơn vị hàng nhỏ hơn liền kề rồi tiếp tục chia.

-HS lắng nghe

- HS làm vào vở thực hiện chia các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả

-HS báo cáo kết quả.

$$\begin{array}{r|l} 10 \text{ phút} & 40 \text{ giây} \\ \hline 2 \text{ phút} = 120 \text{ giây} & \\ \hline & 160 \text{ giây} \\ & 0 \end{array} \quad \begin{array}{l} 8 \\ 1 \text{ phút} 20 \text{ giây} \end{array}$$

Vậy 10 phút 40 giây = 1 phút 20 giây

$$\begin{array}{r|l} 5 \text{ giờ} & 20 \text{ phút} \\ \hline 1 \text{ giờ} = 60 \text{ phút} & \\ \hline & 80 \text{ phút} \\ & 0 \end{array} \quad \begin{array}{l} 4 \\ 1 \text{ giờ} 20 \text{ phút} \end{array}$$

Vậy 5 giờ 20 phút = 1 giờ 20 phút

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.

- Em lấy: 10 giờ 30 phút : 5

- HS làm việc nhóm

- Các nhóm báo cáo kết quả.

10 giờ 30 phút : 5 = 2 giờ 6 phút

Chọn A.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

b.Chọn câu trả lời đúng

Một vệ tinh nhân tạo quay xung quanh Trái Đất 5 vòng hết 10 giờ 30 phút. Hỏi trung bình vệ tinh đó quay xung quanh Trái Đất một vòng hết bao lâu?

A. 2 giờ 6 phút. B. 2 giờ 30 phút C. 2 giờ.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.

? Muốn biết trung bình vệ tinh đó quay xung quanh Trái Đất một vòng hết bao lâu em làm thế nào?

-GV yêu cầu cả lớp thảo luận nhóm 4

-GV yêu cầu HS nêu cách làm và chọn đáp án.

-GV nhận xét, bổ sung

4. Vận dụng trải nghiệm.

Bài 3.

**Rô-bốt nướng 3 mẻ bánh hết 46,5 phút.
Hỏi trung bình mỗi mẻ bánh Rô-bốt
nướng hết bao lâu?**

-GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:



- Rô-bốt nướng bao nhiêu mẻ bánh?

-3 mẻ bánh hết bao nhiêu lâu?

- Vậy muốn tìm trung bình mỗi mẻ bánh Rô-bốt nướng hết bao lâu em làm thế nào?
? Em có nhận xét gì về số 46,5 phút?

-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4

-GV nhận xét, tuyên dương.

-HS chia sẻ tình huống thực tế liên quan đến chia số đo thời gian.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

-HS quan sát

- 3 mẻ

-46,5 phút.

-46,5 phút : 3

-Số thập phân

-Các nhóm thảo luận

-Đại diện các nhóm trình bày

Trung bình mỗi mẻ bánh Rô-bốt nướng hết số thời gian là:

$$46,5 \text{ phút} : 3 = 15,5 \text{ phút}$$

-Nhóm khác nhận xét, bổ sung

-HS chia sẻ

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ 2 (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- HS củng cố, ôn tập kiến thức về liên kết câu.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV giới thiệu trò chơi “ Gọi thuyền” - GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: + Có mấy loại liên kết câu? + Kể tên 1 loại liên kết câu, nêu ví dụ - GV khen thưởng những học sinh có đáp án đúng. - Trò chơi vừa rồi cũng là nội dung một phần trong bài tập 1 phần ôn tập hôm nay.	- HS chơi trò chơi. - Lắng nghe
2. Ôn tập:	
Bài 4/81: Tìm từ ngữ có tác dụng liên kết câu trong mỗi đoạn văn dưới đây và cho biết biện pháp liên kết được sử dụng trong mỗi đoạn. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4 - GV mời cả lớp làm việc nhóm. - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung. - Em hãy nêu các biện pháp dùng để liên kết câu. - GV nhận xét, tuyên dương. Bài 5/81:Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu: a.Tìm từ ngữ nối có tác dụng liên kết câu trong đoạn văn. b. Tìm thêm những từ ngữ nối có thể thay thế cho các từ ngữ đã tìm được ở bài tập a. - Thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu trên và ghi vào nháp phần thảo luận - Gv nhận xét , chốt kết quả đúng. - Mời HS nêu lại các biện pháp dùng để liên kết câu. Bài 6/81: Chọn từ ngữ thay cho mỗi bông hoa để liên kết các câu trong đoạn văn dưới đây:	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả: + Đoạn a: Biện pháp lặp từ ngữ. Từ ngữ được lặp là người. + Đoạn b: Biện pháp thay thế. Từ ngữ thay thế là cậu thay cho Thảo A Sùng. Các câu trong một đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng cách lặp từ ngữ: câu sau lặp lại từ ngữ ở câu trước. Các câu trong một đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng một kết từ hoặc từ ngữ có tác dụng nối (gọi chung là từ ngữ nối) như: rồi, nhưng, vì thế, thứ nhất, thứ hai, trái lại, ngoài ra, bên cạnh đó, đầu tiên, sau đó, tiếp theo, cuối cùng,... Từ ngữ nối thường đứng ở đầu câu. Các câu trong đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng cách dùng đại từ, danh từ,... ở câu sau thay thế cho từ ngữ đã dùng ở câu trước. Ngoài tác dụng liên kết, việc dùng từ ngữ thay thế còn tránh được sự trùng lặp từ ngữ trong đoạn văn. Tôi và lũ bạn đã đi tìm tu hú dọc những bờ đê dài. Nhưng chúng tôi không làm sao trông thấy chúng. Chúng tôi đi rón rén đến nơi phát ra tiếng một con tu hú kêu, bỗng nó im bất. Ở nơi cách chúng tôi không xa, một con tu hú khác cất tiếng gọi như trêu tức con người. Và ngay cả nơi chúng tôi vừa rời khỏi, tu hú lại kêu. Vì thế, tôi chưa bao giờ trông thấy chim tu hú. (Theo Nguyễn Trọng Tạo) a. Tìm những từ ngữ nối có tác dụng liên kết câu trong đoạn văn. b. Tìm thêm những từ ngữ nối có thể thay thế cho các từ ngữ đã tìm được ở bài tập a. - HS thảo luận nhóm - Đại diện nhóm chia sẻ, nhận xét, bổ sung. a. Từ ngữ nối: nhưng, và, vì thế. b. Từ ngữ có thể thay thế:

- Mời HS đọc yêu cầu bài 6 và đoạn văn, cả lớp đọc thầm.

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.
- Thảo luận nhóm.

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Tôi định ngủ một giấc. **Nhưng** những mảng màu rực rỡ ngoài ô cửa đã kéo tôi ra khỏi giấc ngủ. **Ban đầu**, tôi chỉ thấy màu xanh. Nhìn từ trên máy bay, Ấn Độ Dương trắng như viên đá lam ngọc lấp lánh, còn đảo Ma-đa-ga-xca thì như viên ngọc lục bảo đính trên viên đá này. **Sau đó**, tôi mới thấy giữa dải màu xanh tuyệt đẹp, thỉnh thoảng lộ ra khoảng màu nâu đỏ. Đó chính là những nơi rừng bị chặt phá. Nhìn từ trên cao, chúng như những vết thương của rừng già vậy. **Thế là** dù chưa đặt chân lên Ma-đa-ga-xca, tôi đã cảm thấy xót xa như chính mình bị thương tổn...

- Những từ ngữ thay vào mỗi bông hoa có tác dụng gì?

- Tác giả đã sử dụng cách liên kết câu bằng cách nào?

- Em có thể sử dụng những từ nào khác để thay thế các từ đã cho?

=> Các từ ngữ này không chỉ có tác dụng liên kết các câu với nhau giúp nội dung thêm chặt chẽ mà còn tránh được việc lặp các từ ngữ khi viết văn.

+ Nhưng thay bằng tuy nhiên, tuy vậy, dù vậy...

Và thay bằng ngoài ra, bên cạnh đó...

+ Vì thế thay bằng: bởi vậy, vì vậy...

- HS nêu 3 cách: lặp từ, từ nối, từ thay thế.

6. Chọn từ ngữ thay cho mỗi bông hoa để liên kết các câu trong đoạn văn dưới đây:

Sau đó Nhưng Thế là Ban đầu

Tôi định ngủ một giấc.  những mảng màu rực rỡ ngoài ô cửa đã kéo tôi ra khỏi giấc ngủ.  tôi chỉ thấy màu xanh. Nhìn từ trên máy bay, Ấn Độ Dương trắng như viên đá lam ngọc lấp lánh, còn đảo Ma-đa-ga-xca thì như viên ngọc lục bảo đính trên viên đá này.  tôi mới thấy giữa dải màu xanh tuyệt đẹp, thỉnh thoảng lộ ra khoảng màu nâu đỏ. Đó chính là những nơi rừng bị chặt phá. Nhìn từ trên cao, chúng như những vết thương của rừng già vậy.  dù chưa đặt chân lên Ma-đa-ga-xca, tôi đã cảm thấy xót xa như chính mình bị thương tổn...

(Theo An Nguyệt Vi Tiểu, Hương Giang dịch)

- HS làm bài vào phiếu bài tập.

- Thảo luận nhóm, thống nhất cách làm.

- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm bổ sung.

- Các từ có tác dụng liên kết các câu trong đoạn văn.

- Liên kết bằng cách sử dụng từ nối.

- Học sinh trả lời tùy theo nội dung từng câu.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:

+ Viết một đoạn văn ngắn khoảng 4-5 câu trong đó có sử dụng các cách liên kết câu đã học để kể về một hoạt động mà em đã làm cùng người thân.

- GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kỹ năng vận dụng vào thực tiễn.

- GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ 2 (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- HS huy động được ý tưởng, huy động kiến thức để thể hiện ý tưởng cho bài viết nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.
- HS nhớ lại cấu tạo của bài văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.
- HS viết được bài văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi “ Gọi tên cảm xúc” - GV hướng dẫn cách chơi: Mỗi bạn sẽ ghi cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực vào một tờ giấy rồi cô giáo thu lại. GV gọi 1 em lên bốc thăm và thể hiện cảm xúc qua cử chỉ, gương mặt. HS bên dưới đoán và gọi tên cảm xúc. Ai nói đúng sẽ được lên bốc thăm tiếp. - GV nhận xét, tuyên dương HS. + Em rút ra được điều gì qua trò chơi? GV kết luận, giới thiệu bài: Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em đưa những tình cảm, cảm xúc của mình vào để viết một đoạn văn về một sự việc mà em yêu thích.	- HS lắng nghe GV giới thiệu cách chơi. - HS tham gia chơi: + HS ghi cảm xúc vào giấy. + Bốc thăm + Thể hiện cảm xúc.

2 Ôn tập:

Bài 1/82: Thực hiện 1 trong 2 yêu cầu sau:

a. Trao đổi với bạn về các sự việc được thể hiện trong một tranh dưới đây và cảm xúc của những người trong tranh đó.

M: Tưởng tượng thêm về các sự việc đã diễn ra.

b. Kể với bạn một sự việc đáng nhớ mà em đã trải qua và chia sẻ cảm xúc của em khi đó.

- Thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu bài.

– GV nhận xét, góp ý.

- GV khen ngợi những HS trình bày tốt.

=> Qua bài tập 1, các em đã lên được ý tưởng cho bài viết. Bây giờ chúng ta cùng ôn lại các bước viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc và thực hành viết đoạn văn trong nội dung bài 2.

Bài 2/82: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc ở bài 1

2. Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc ở bài tập 1.

G:



Bài 3/82 : Trao đổi với bạn đoạn văn em vừa viết để góp ý cho nhau và chỉnh sửa bài viết.

- HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.

1. Thực hiện 1 trong 2 yêu cầu sau:

a. Trao đổi với bạn về các sự việc được thể hiện trong một tranh dưới đây và cảm xúc của những người trong tranh đó.

G: Tưởng tượng thêm về các sự việc đã diễn ra.



b. Kể với bạn một sự việc đáng nhớ mà em đã trải qua và chia sẻ cảm xúc của em khi đó.

- HS chọn 1 trong 2 yêu cầu rồi suy nghĩ và thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe.

- HS kể hoặc trao đổi trong nhóm hoặc cặp.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý để HS hoàn thiện phần trình bày.

- Gọi ý:

a. Sự việc được thể hiện trong một bức tranh: Hai bạn nam cùng đá bóng gần cửa lớp học, vô tình đá trúng vào cửa làm vỡ kính cửa lớp. Hai bạn nam lúng túng và không biết phải xử trí ra sao.

b. Sự việc đáng nhớ em đã trải qua: Một lần em tham gia cuộc thi của trường tổ chức, em vinh dự thắng cuộc và dành được giải cao nhất trong cuộc thi ấy. Sau sự việc xảy ra, em cảm thấy thật bất ngờ và vỡ oà trong hạnh phúc, em nghĩ mình không đạt được thành tích tốt như vậy.

- Hs đọc yêu cầu bài.

- Hs nhắc lại cấu trúc đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc.

- HS nhớ lại nội dung đã nói ở bài 1 và viết vào vở.

-HS trao đổi bài trong Làm việc theo cặp

- GV đọc một số bài của HS trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS. (Nếu không đủ thời gian, GV nhắc HS về nhà hoàn thành yêu cầu của bài tập 2.) - Khen ngợi những HS viết tốt. - Nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.	- HS trao đổi bài viết cho nhau. - HS đọc và nhận xét bài của bạn. + Nêu những ưu điểm mình có thể học tập trong bài của bạn. + Góp ý sửa lỗi trong bài. + Góp ý để bạn viết câu/ đoạn hay hơn. + Chép vào sổ tay những điều mình học được từ bạn.
5. Vận dụng trải nghiệm. - GV yêu cầu HS ghi lại những tình cảm, cảm xúc về tiết học hôm nay và chia sẻ cùng các bạn. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- Hs viết ra giấy và chia sẻ cho các bạn .

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Năm ngày 26 tháng 03 năm 2026

Tiếng Việt:

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II

(Học sinh làm bài kiểm tra theo đề của Tổ chuyên môn)

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 58: NHÂN CHIA SỐ ĐO THỜI GIAN VỚI MỘT SỐ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh thực hiện được phép nhân, phép chia số đo thời gian.

- Học sinh vận dụng được việc nhân chia số đo thời gian để giải quyết 1 số vấn đề thực tế.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;

- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Hà giải một bài toán hết 7 phút. Hỏi Hà làm 4 bài toán thì cần bao nhiêu thời gian. Biết rằng thời gian giải các bài toán là như nhau. + Câu 2: Cô Lan may một bộ quần áo hết 2 giờ 10 phút. Hỏi cô mất bao lâu để may xong 5 bộ quần áo? Thời gian may các bộ quần áo như nhau. + Câu 3: Các bạn trong lớp tham gia trồng cây. Trung bình cứ 30 phút các bạn trồng được một cây. Hỏi muốn trồng được 4 cây cần bao nhiêu thời gian Câu 4: Nga làm 3 cái bánh hết 45 phút. Hỏi mỗi cái bánh Nga làm hết bao lâu? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: $7 \text{ phút} \times 4 = 28 \text{ phút}$ + Trả lời $2 \text{ giờ } 10 \text{ phút} \times 5 = 10 \text{ giờ } 50 \text{ phút}$ + Trả lời: $30 \text{ phút} \times 4 = 120 \text{ phút} = 2 \text{ giờ}$ + Trả lời: $45 \text{ phút} : 3 = 15 \text{ phút}$ - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành	
Bài 1. Tính - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1 - Gv yêu cầu hs làm cá nhân vào bảng con. Mỗi phép tính 1 HS lên bảng làm. a. $2 \text{ giờ } 10 \text{ phút} \times 5$ $15 \text{ phút } 20 \text{ giây} \times 3$ b. $8 \text{ giờ } 20 \text{ phút} : 4$ $51 \text{ giờ } 30 \text{ phút} : 10$	- HS đọc yêu cầu, lấy bảng con làm - HS lên bản làm

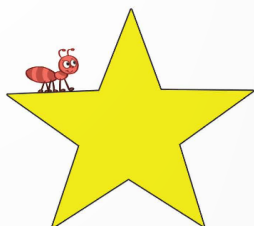
- GV mời HS nhận xét bài trên bảng
- Đối chiếu bài đã sửa kiểm tra bài làm của mình và giờ bảng.
- GV Nhận xét tuyên

Bài 2. Chọn câu trả lời đúng.

- GV gọi 1 hs đọc đề và nêu yêu cầu của bài.

2 Chọn câu trả lời đúng.

Một con kiến bò theo tất cả các cạnh của hình ngôi sao, mỗi cạnh một lần và quay về vị trí xuất phát hết 11 phút 10 giây. Hỏi trung bình con kiến bò theo mỗi cạnh hết bao lâu?



- A. 1 phút 1 giây B. 1 phút 6 giây C. 1 phút 7 giây

- GV mời HS làm việc nhóm đôi.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Ngày cuối tuần, robot làm hộp đựng bút từ vỏ chai nhựa. Buổi sáng từ 8 giờ 10 phút đến 10 giờ 20 phút robot làm được 2 hộp bút. Buổi chiều từ 14 giờ đến 15 giờ 5 phút, robot làm được 1 hộp bút. Hỏi trung bình robot làm 1 hộp bút hết bao lâu.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.



- GV gợi ý.
- + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán hỏi gì?
- Gọi HS nêu cách làm. Nếu hs không biết cách làm GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi.
- + Muốn biết thời gian làm 1 hộp bút ta phải biết những dữ kiện gì?

- HS chia sẻ, nhận xét
- HS đối chiếu nhận xét

- HS thảo luận nhóm chọn đáp án đúng

- Đại diện các nhóm trả lời.

Đáp án C: 1 phút 7 giây

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

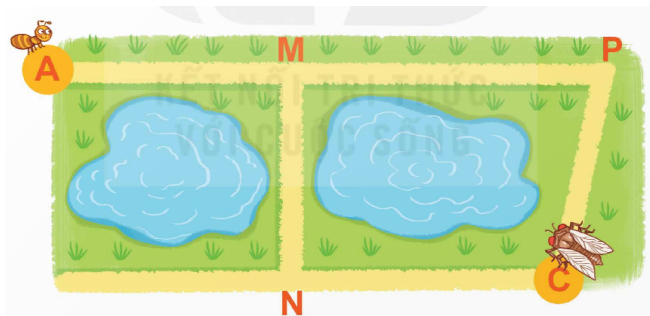
- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- HS lắng nghe suy nghĩ cách làm.

- HS nêu cách làm

+ Thời gian robot làm hộp bút trong buổi sáng là bao lâu? + Thời gian robot làm hộp bút trong buổi chiều là bao lâu? + Có tính được thời gian trong cả ngày robot làm hộp bút không? Biết thời gian làm hộp bút, biết số hộp bút làm được, bạn nào có thể cho cô biết cách tính thời gian trung bình để robot làm xong một hộp bút? - GV yêu cầu hs làm bài vào vở và chấm chéo. - GV chấm 1 số vở và nhận xét. (nếu có máy soi thì dùng bài làm của hs trong vở để nhận xét, nếu không, cho hs làm bảng phụ nhận xét) - GV mời nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- Ta phải biết tổng thời gian robot làm hộp bút và số hộp bút mà robot định làm. - $10\text{giờ } 20 - 8\text{ giờ } 10 = 2\text{ giờ } 10\text{ phút}$ - $15\text{ giờ } 5\text{ phút} - 14\text{ giờ} = 1\text{ giờ } 5\text{ phút}$ - $2\text{ giờ } 10\text{ phút} + 1\text{ giờ } 5\text{ phút} = 3\text{ giờ } 15\text{ phút}$ - $3\text{ giờ } 15\text{ phút} : 3 = 1\text{ giờ } 5\text{ phút}$ - HS làm bài Bài giải Thời gian robot làm hộp bút vào buổi sáng là: $10\text{giờ } 20 - 8\text{ giờ } 10 = 2\text{ giờ } 10\text{ phút}$ Thời gian robot làm hộp bút vào buổi sáng là: $15\text{ giờ } 5\text{ phút} - 14\text{ giờ} = 1\text{ giờ } 5\text{ phút}$ Thời gian trung bình robot làm 1 cái hộp bút là: $(2\text{ giờ } 10\text{ phút} + 1\text{ giờ } 5\text{ phút}) : (2 + 1) = 1\text{ giờ } 5\text{ phút}$ Đáp số: 1 giờ 5 phút
4. Vận dụng trải nghiệm. Bài 4. Nhà của Kiến ở vị trí A nhà của ve sầu ở vị trí C và kiến chỉ đến được nhà ve sầu bằng cách đi qua các đoạn đường như hình dưới đây. Biết rằng các đoạn AM, MN, NC dài bằng nhau. a, Tìm đường đi ngắn nhất để kiến đến nhà ve sầu và quay về vị trí ban đầu. b, Kiến mất 1,5 phút để đi từ A đến M và những đoạn đường dài bằng nhau kiến đi hết thời gian như nhau. Nếu kiến ở lại nhà ve sầu	

5 phút và không nghỉ giữa đường thì hết bao lâu để kiến hoàn thành đường đi ở câu a



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời. Nếu hs không trả lời được GV gợi ý
- + Có những đường nào có thể đến nhà ve sầu.
- + So sánh độ dài các đoạn đường.
- + Xác định đường đi ngắn nhất để kiến đến nhà ve sầu.
- + Xác định đoạn đường ngắn nhất để kiến từ nhà ve sầu quay về.
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân.

- HS trả lời:

Đường 1: AM- MP- PC

Đường 2: AM – MN- NC

Đường 2 ngắn nhất

- kiến đi đoạn AM – MN- NC và quay về cũng đường này.
- HS giải thích cách chọn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Công nghệ:

Bài 8: MÔ HÌNH MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Mô tả được các bộ phận của máy phát điện gió gió.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

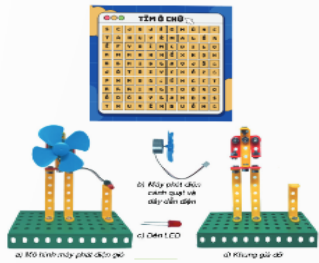
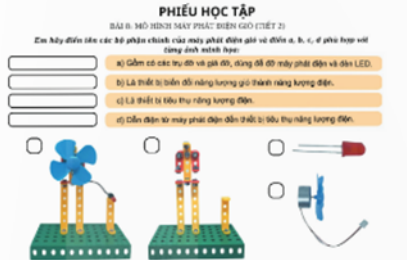
- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

Giáo viên: Đàm Thị Ngân

Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám

- HS: Mô hình , tranh ảnh về sản phẩm máy phát điện gió

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh hình 3 trong SGK (trang 39), bảng chi tiết số liệu trang 40. Hoặc tranh ảnh sưu tầm được-hay video về mô hình năng lượng điện gió + GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi Tìm ô chữ hỏi đáp về mô hình máy phát điện gió tìm các chi tiết từng bộ phận trong hình và hoàn thành phiếu bài tập - GV mời một số nhóm trình bày  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Để biết các bạn tìm hiểu và trao đổi các bộ phận để vận dụng sức gió tạo năng lượng điện như thế nào. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Mô hình máy phát điện gió- tiết 2- Chúng ta tìm hiểu các bộ phận của máy phát điện gió và vai trò của nó”.	- Cả lớp quan sát tranh hình 3 hay theo dõi video. Đọc bảng số liệu trang 40, nêu được 3 từ khoá ghép thành tên đồ vật và điểm chung của 3 từ khoá đó - HS1: Thuyền buồm - HS2: Chong chóng. - HS3: Cối xay gió - HS trả lời: + Điểm chung chúng đều là đồ dùng sử dụng sức gió - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: Hoạt động khám phá1. - GV yêu cầu HS quan sát tranh hoặc mô hình máy phát điện gió trong hình 3- trang 39 cho biết các bộ phận và vai trò của máy phát điện gió và hoàn thiện phiếu thực hành 	- HS quan sát tranh và chỉ ra các bộ phận của mô hình máy phát điện gió - HS quan sát thảo luận và chỉ đọc tên từng bộ phận theo nhóm bàn. - Đại diện các nhóm nối tiếp báo cáo kết quả thảo luận: - Máy phát điện ,cánh quạt, dây điện - Khung giá đỡ

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, thống nhất đáp án, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

- GV yêu cầu HS quan sát bảng chi tiết các dụng cụ tạo máy phát điện gió - trang 40 cho biết số lượng thiết bị cần có để lắp ráp tạo mô hình máy phát điện gió và hoàn thiện phiếu thực hành

PHIẾU THỰC HÀNH
BÀI 3: MÔ HÌNH MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ (TIẾT 2)
Quan sát bảng gọi ý và lựa chọn các chi tiết, vật liệu và dụng cụ để gắn vào ô trống thích hợp:

Tên gọi	Chi tiết, vật liệu, dụng cụ	Số lượng	Tên gọi	Chi tiết, vật liệu, dụng cụ	Số lượng
1. Tầm lều		1	7. Dây LED		1
2. Thanh gỗ trượt		2	8. Pháo		10
3. Thanh gỗ U ngược		4	9. Vít ngắn		10
4. Thanh gỗ U dài		3	10. Tắc vít		5
5. Thanh nhôm 3 lỗ		2	11. Cờ lê		3
6. Máy phát điện cánh quạt và dây dẫn điện		1	12. Băng dính 2 mặt		3
			13. Băng dính đen		4
			14. Dây		3

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, thống nhất đáp án, tuyên dương

3. Bóng đèn, hay thiết bị sử dụng điện

- HS hoàn thiện phiếu,nói tiếp nêu lại kết quả phiếu.

- HS quan sát đọc bảng số liệu dụng cụ, nêu tên từng chi tiết dụng cụ, hoàn thiện phiếu, lên bảng gắn thẻ các dụng cụ cần chuẩn bị.

Đại diện các nhóm thi đua lên gắn thẻ và đọc tên các dụng cụ cần có để tạo máy phát điện gió



- Học sinh lắng nghe

3. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động trò chơi: “Ai nhanh và đúng hơn”

- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm theo pp khăn trải bàn(mỗi học sinh sẽ nêu tên và chọn thiết bị dụng cụ tạo máy phát điện gió),
- + Thực hiện nêu tên và chọn các dụng cụ thiết bị để tạo máy phát điện gió?

- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

Các con rất giỏi đã chọn đúng và đủ các dụng cụ thiết bị để lắp mô hình tạo máy phát điện gió

- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện.

- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu mỗi học sinh trong nhóm nêu ý kiến trả lời của mình (có thể ghi vào phiếu để dễ nhớ)

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV cho học sinh nêu lại nội dung mình vừa được học

GVmời HS chia sẻ về một số ứng dụng vận dụng gió đem lại lợi ích cho cuộc sống từ xưa đến nay mà em biết.

- Liên hệ thử tưởng tượng mô hình tạo máy phát điện gió từ vật liệu có trong bộ lắp ghép kỹ thuật

*/Tìm hiểu học hỏi và vận dụng sử dụng nhiều từ nguồn năng lượng gió để bảo vệ môi trường

- GV nhận xét tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà chuẩn bị tiết 3 lắp ghép tạo mô hình máy phát điện gió

- Học sinh tham gia chia sẻ về một số vận dụng gió vào đời sống của gia đình em ở nhà, hoặc em biết, giải thích lợi ích của việc làm đó trước lớp để thấp sáng bóng đèn, chạy quạt và các thiết bị điện

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

BUỔI CHIỀU:

Giáo dục thể chất:

DẪN BÓNG THAY ĐỔI TỐC ĐỘ, DẪN BÓNG THEO ĐƯỜNG VÒNG. (T 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng trong môn Bóng rổ.

- Bước đầu vận dụng được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng vào trong các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.

- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.

- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.

- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

* Góp phần hình thành và phát triển.

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; vận động cơ bản; thể dục thể thao;

- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

+ Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.

+ Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

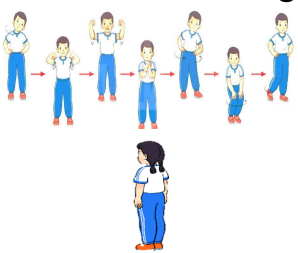
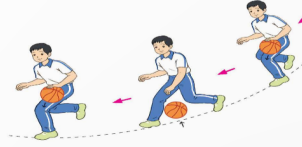
III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

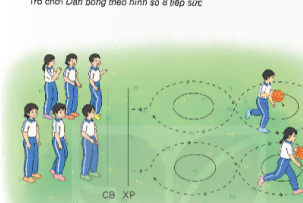
- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.

- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7'		
1. Nhận lớp: - Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học

2. Khởi động: - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) - Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8N 2Lx8N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động  - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi “Làm theo chỉ huy” - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi Trò chơi Làm theo chỉ huy  - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới: 1. Khám phá 2. Hình thành động tác mới: * Ôn dẫn bóng theo đường vòng bên phải:  - TTCB: Đứng chân trước chân sau, hai tay cầm bóng trước bụng. - Động tác: Đưa bóng về tay trái, dẫn bóng lên trước, tay tiếp xúc vào nửa sau và hơi sang trái của bóng,	5-7'	- GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác.	 - HS lắng nghe

chân và thân người hướng theo đường vòng về phía bên phải.			
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS thực hiện bài tập 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	Luyện tập  Luyện tập cá nhân - HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kỹ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16'		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ  Luyện tập nhóm - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. - HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	 Luyện tập cặp đôi + Yêu cầu: 1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập... Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
3. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.
4. Trò chơi vận động: * Trò chơi: “Dẫn bóng theo hình số 8 tiếp sức”	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi	ĐH chơi trò chơi Trò chơi Dẫn bóng theo hình số 8 tiếp sức  CB XP

		chính thức, có thi đua. <i>Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.</i>	- Hs chơi theo hướng dẫn của Gv -HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5'		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc). 2. Vận dụng:		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân - GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	Đội hình hồi tĩnh  - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Khoa học:

BÀI 26: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
- Cho hs hát bài “ Năm ngón tay xinh” - Gợi ý các câu hỏi để dẫn dắt vào bài: + Mỗi ngón tay trong bài hát đại diện cho những ai? Cách ứng xử với những người đó như thế nào? + Những câu hát nào được lặp lại nhiều lần trong bài? + Nếu có ai chạm vào vùng đồ bơi của em. Em cảm thấy thế nào và sẽ làm gì trong tình huống đó? + Em hãy kể một tình huống em cảm thấy không an toàn mà em đã trải qua hoặc em biết? - Giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta phải gặp tình huống không an toàn, thậm chí có nguy cơ bị xâm hại. Vậy làm thế nào để biết được và phòng tránh nguy cơ đó, các em sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.	- Ngón cái là những người thân; ngón trỏ là thầy cô, bạn bè; ngón giữa là hàng xóm, bạn của bố mẹ.... - Nếu ai chạm vào vùng đồ bơi. Xua tay em nói lớn; Không không em đã lớn rồi. - Hs trả lời . - Hs trả lời .
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá 1: Cảm giác an toàn và quyền được an toàn. - GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp: Đọc thông tin trong khung và nêu ý kiến của bản thân về cảm giác an toàn.	- Hs đọc thông tin và đưa ra ý kiến về cảm giác an toàn:

+ GV nhận xét và dẫn dắt: Nếu trường hợp khi chúng ta cảm thấy không an toàn thì sẽ có cảm giác như thế nào? Các em sẽ làm gì để bảo đảm quyền của mình thì chúng ta sẽ tìm hiểu hoạt động tiếp theo.

- GV yêu cầu hs làm việc cặp đôi, quan sát kỹ nội dung từng hình từ 1 đến 4 và cho biết:

+ Những biểu hiện cảm xúc của các bạn trong hình?

+Bạn nào an toàn bạn nào đang bị xâm hại đến sự an toàn của cá nhân?

- Tổ chức cho học sinh chia sẻ trước lớp.



- Giáo viên nhận xét và bổ sung: Dấu hiệu mất an toàn có thể là lời nói, hành động trực tiếp hoặc gián tiếp qua việc:

+ Giao tiếp không lời như bị bắt buộc đọc, nghe nhìn... nội dung, hình ảnh từ những người không rõ danh tính,.. mối quan hệ ngoài đời hoặc trên không gian mạng. Biểu hiện xâm hại an toàn về tinh thần

+ Bị chiếm đoạt tiền / tài sản cá nhân,... biểu hiện xâm hại an toàn về vật chất, tổn thương tinh thần...

+ Khi có cảm giác an toàn thì chúng ta cảm thấy vui vẻ, thoải mái, không lo lắng, sợ hãi,...

- Hs thảo luận theo cặp

- Đại diện cặp trình bày:

+ Hình 1: Một bạn có vẻ mặt lời nói thể hiện ngạc nhiên, có chút lo lắng... khi một người không quen biết muốn làm quen qua không gian mạng... bị xâm hại, mất an toàn về tinh thần ngay cả khi giao tiếp qua mạng.

+ Hình 2: Bạn có vẻ mặt sợ hãi, người co rúm lại khi bị một bạn lớn hơn, dọa nạt, trấn lột tiền, bị bắt nạt, bị xâm hại, mất an toàn về tinh thần.

+ Hình 3: Bạn có vẻ mặt rạng rỡ, vui vẻ, thoải mái khi ngồi chơi cùng ông nội cho thấy bạn đang có cảm giác an toàn.

+ Hình 4: Bạn có vẻ mặt khó chịu, thân thể và lời nói phản kháng,.. khi bị một người phụ nữ ép buộc, đẩy lên xe... bị xâm hại đến thân thể.

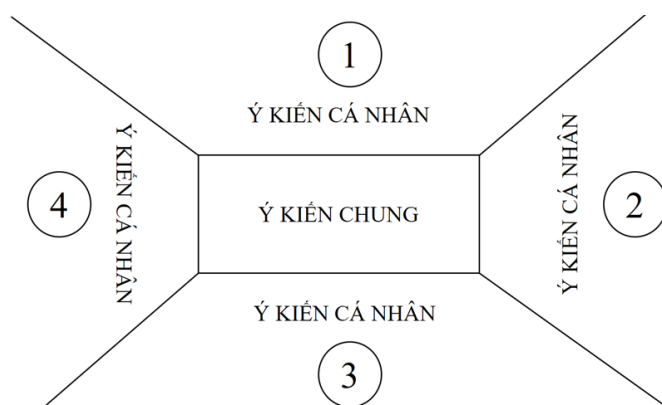
+ Bị ép buộc, làm điều mình không muốn biểu hiện của xâm hại an toàn thể chất, tinh thần...

- Khi có cảm giác an toàn chúng ta cảm thấy thế nào?

Hoạt động khám phá 2: Những việc cần làm để đảm bảo quyền được an toàn.

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn thảo luận theo yêu cầu:

+ Theo em, bạn cần làm gì để đảm bảo quyền được an toàn, phản đối mọi sự xâm hại trong những tình huống ở các hình 1, 2, 3, 4?



- GV khen ngợi, khích lệ các nhóm học sinh đã sáng tạo khi nêu được những việc làm phù hợp thể hiện quyền được an toàn của bản thân, phản đối mọi sự xâm hại từ những đối tượng khác.

- GV lưu ý về từ ngữ “Người lạ” ở đây được hiểu là không phải bố mẹ, người thân có thể là người họ hàng lâu ngày chưa gặp, hàn xóm,...

- Hs lắng nghe, chia sẻ rút kinh nghiệm

- HS hoạt động nhóm theo hình thức khăn trải bàn

- Đại diện nhóm trình bày: Học sinh chia sẻ cùng nhau nêu được một số việc ở mỗi tình huống như:

+ Hình 1: Giữ an toàn trên không gian mạng: không để lộ thông tin, hình ảnh nhạy cảm, không kết bạn với người lạ, không chia sẻ định vị khi đang sử dụng ứng dụng trên mạng, thoát khỏi ứng dụng khi không dùng... Chia sẻ với bố mẹ, thầy cô, người tin tưởng gọi điện đến tổng đài 111... khi gặp các rắc rối.

+ Hình 2 và 4 : phản đối sự chiếm đoạt tài sản, sự xâm hại về thể chất và tinh thần: Bình tĩnh không tỏ ra sợ hãi, tìm cách thoát khỏi tình huống đối mặt nguy hiểm, quan sát xung quanh và kêu lên để gây chú ý, tìm kiếm sự trợ giúp; không đi một mình, không được giữ im lặng mà cần chia sẻ với bố mẹ, thầy cô, người tin tưởng
+Hình 3:Đảm bảo an toàn của bản thân: không ngồi gần tiếp xúc với người lạ, không phải là người thân trong gia đình, người quen...

3. Hoạt động luyện tập.

- Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm từ kết quả HĐ1. Em hãy liên hệ thực tế nói với bạn về những tình huống em cảm thấy an toàn và không an toàn. Viết mỗi tình huống vào một thẻ trống(thẻ màu xanh là an toàn; màu vàng là không an toàn)

Tình huống an toàn	Tình huống không an toàn
.....	
.....	

- Nhận xét, tuyên dương

- Hs hoạt động nhóm

- Đại diện nhóm trình bày

Tình huống an toàn	Tình huống không an toàn
- Hôm nay, đến đón em đi học về không phải là bố mà mà chị gái ruột của em	- Một chú đến đón em và bảo bố nhờ đón, chú cho em tiền và bảo lên xe nhanh để chú chở đi mua quần áo mới, nhưng em không biết chú đó là ai.
.....	

- Các nhóm chia sẻ cách xử lý:

+ Tình huống cảm thấy an toàn: Chị gái đến đón em thay bố, mẹ. Em lên xe để chị đón về.

+ Tình huống cảm thấy không an toàn: Em kiên quyết không lên xe của chú đó, không lấy tiền, em vào phòng bác bảo vệ trường để chờ bố, mẹ đến đón.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV mời HS chia sẻ thêm một số tình huống em đã gặp hoặc đã xem trong ti vi, các kênh truyền thông,... để các bạn biết và cùng nhau phòng tránh.

- GV nhận xét tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

- Học sinh tham gia chia sẻ

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Luyện Toán:**LUYỆN TẬP VỀ CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA SỐ ĐO THỜI GIAN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- củng cố giải toán liên quan cộng trừ nhân chia số đo thời gian
- Nhận biết được giải toán liên quan đến số đo thời gian

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động:(3-5') - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ: + Câu 1: + Câu 2: - GV Nhận xét, tuyên dương. 2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS đặt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1. a) Tính. 5 giờ 45 phút + 8 giờ 5 phút = 15 phút 30 giây - 6 phút 15 giây = b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. Hiện tại, còn 2 giờ 30 phút nữa là đến khoảng khắc giao thừa để chuyển sang năm mới. Hỏi hiện tại là mấy giờ? A. 9 giờ tối B. 21 giờ 30 phút c. 22 giờ 30 phút D. 9 giờ 30 phút sáng ? Bài yêu cầu gì? GV yêu cầu HS nêu trước lớp	- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa) - HS lắng nghe. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - Hs trả lời thứ tự thực hiện tính, làm vở - HS đọc trước lớp. Học sinh đôi vở soát nhận xét

[illegible]

quần áo xong trong 15 phút; • Chuẩn bị thức ăn xong trong 30 phút. Chú bắt đầu làm việc nhà từ lúc 15 giờ 5 phút. a) Vậy chú Tú dự định hoàn thành xong tất cả các việc nhà trên lúcgiờ phút. b) Chú Tú đã hoàn thành xong tất cả các việc nhà đã dự định vào lúc 16 giờ 20 phút. Vậy chú ấy mất.....giờ phút để hoàn thành những việc trên. - GV cho HS đọc đề ,nêu cách tính, làm vở - GV cho 1 HS thực hiện chia sẻ vào phiếu bài tập - Nhận xét, đánh giá bài HS. ☐ <i>Củng cố cách tính cộng trừ số đo thời gian</i> - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng. 3,Vận dụng trải nghiệm - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu đề, nêu cách tính - Học sinh làm vào vở, đổi vở chữa, nhận xét - Thực hiện theo yêu cầu
--	--

Thứ Sáu ngày 27 tháng 03 năm 2026

Toán:

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II

(Học sinh làm bài kiểm tra theo đề của Tổ chuyên môn)

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Lịch sử & Địa lí:

Bài 21: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

- Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Nhìn hình đoán tên”. GV sẽ cho HS bắt cặp để thi đấu, HS sẽ cùng quan sát một số tranh ảnh về phong cảnh, di tích lịch sử, cảnh đẹp nổi tiếng,... đặt trưng của các quốc gia Đông Nam Á. Sau khi quan sát, học sinh nhanh tay oẳn tù tì để giành quyền trả lời.  a.  b.  c.  d. - GV nhận xét, tuyên dương.	- Cả lớp quan sát tranh. - HS bắt cặp tham gia trò chơi. a. Lào b. Cam-pu-chia c. Thái Lan d. Ma-lai-xi-a b. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.

- Giáo viên tổng kết lại và dẫn dắt học sinh vào nội dung bài.	
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động 1: Sự ra đời của ASEAN - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 2.a) Sự ra đời của ASEAN. - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi và trả lời các câu hỏi sau: + Nêu sự ra đời của ASEAN. + Kể tên các quốc gia gia nhập ASEAN từ năm 1967 cho đến nay. - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: + <i>Ngày 8-8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), 5 nước: Thái Lan, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a đã kí tuyên bố thành lập “Hiệp hội các nước Đông Nam Á”, viết tắt là ASEAN.</i> + <i>Mục tiêu chung của ASEAN là đoàn kết và hợp tác để giữ hòa bình, an ninh, ổn định khu vực và cùng nhau phát triển kinh tế xã hội.</i> + <i>Sau năm 1967, ASEAN lần lượt kết nạp thêm các quốc gia: Bru-nây, Việt Nam Lào, Mi-an-ma, Cam-pu-chia.</i> + <i>Tính đến năm 2022, đã có 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á là thành viên của ASEAN.</i> - GV tổ chức cho HS quan sát hình 3. Cờ của ASEAN và đọc thông tin về lá cờ ở mục Em có biết? + Ti-mo Lét-xtê đã là thành viên của ASEAN chưa? - GV mở rộng: Tháng 11-2022, tại hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 40,41 ở Cam-pu-chia, tuyên bố về việc Ti-mo Lét-stê xin gia nhập	- HS đọc thông tin và quan sát tranh, - HS thảo luận theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. + Ngày 8-8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), 5 nước: Thái Lan, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a đã kí tuyên bố thành lập Hiệp hội các nước Đông Nam Á, viết tắt là ASEAN. + Các quốc gia gia nhập ASEAN từ năm 1967 cho đến nay là: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây - HS lắng nghe. - HS quan sát và đọc thông tin. - Ti-mo Lét-xtê chưa là thành viên của ASEAN. - HS lắng nghe. - Ngày 28-7-1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN và là thành viên thứ 7 của Hiệp hội này.

ASEAN được thông qua. Theo đó, ASEAN nhất trí về nguyên tắc việc kết nạp Ti-mo Lét-stê là thành viên thứ 11; trao quy chế quan sát viên và cho phép nước này tham gia tất cả các hội nghị của ASEAN.

Hoạt động 2: Việt Nam trong ASEAN

- Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào? Và là thành viên thứ bao nhiêu của Hiệp hội này?

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc thông tin và quan sát hình 4 để thực hiện nhiệm vụ sau: Hãy nêu ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN.



▲ Hình 4. Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội năm 1998

- GV cho HS thảo luận và làm vào bảng nhóm, nhóm nào hoàn thành nhanh nhất sẽ dán bảng lớp và trình bày. Các nhóm khác bổ sung.

- GV gọi đại diện nhóm lên trình bày.

- GV gọi đại diện các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét và chốt nội dung:

+ Là sự kiện đánh dấu quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam và tiến trình hợp tác, liên kết của cả khu vực.

+ Tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển kinh tế nhờ mở rộng thị trường tiêu thụ và thu hút vốn đầu tư nước ngoài; mở rộng giao lưu văn hóa. Tạo cơ hội việc làm và nâng cao năng lực của người lao động.

- HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.

- HS thảo luận theo nhóm tổ.

- Đại diện nhóm trình bày.

+ Tạo ra nhiều cơ hội để phát triển kinh tế.

+ Tạo cơ hội việc làm và nâng cao năng lực của người lao động.

+ Nâng cao vị thế trong ASEAN và trên thế giới.

- HS nhận xét và bổ sung.

- HS lắng nghe.

- HS đọc bảng thông tin.

+ <i>Nâng cao vị thế trong ASEAN và trên thế giới.</i> - GV tổ chức cho HS khai thác thông tin từ mục Em có biết? + Dựa vào bảng thông tin, em hãy cho biết từ khi gia nhập đến nay, Việt Nam đã đảm nhận nhiều vai trò và đăng cai những gì?	- Chủ nhà hội nghị cấp cao ASEAN 6, chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (2000-2001), Chủ tịch ASEAN (2010, 2020),...
3. Hoạt động luyện tập.	
- Qua các hoạt động đã làm, GV tổ chức cho HS chơi trò chơi củng cố kiến thức: Câu 1: Khi mới thành lập ASEAN gồm bao nhiêu nước? ● A. 4 nước ● B. 5 nước ● C. 6 nước ● D. 7 nước Câu 2: Đầu là tên viết tắt của Hiệp hội các nước Đông Nam Á? ● A. ASEM ● B. WHO ● C. ASEAN ● D. APCE Câu 3: Việt Nam gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á vào: ● A. 8 – 11 – 1967 ● B. 8 – 8 – 1967 ● C. 8 – 7 – 1995 ● D. 28 – 7 – 1995 Câu 4: ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN. ● A. Là sự kiện đánh dấu quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam và tiến trình hợp tác, liên kết của cả khu vực. ● B. Tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển kinh tế ● C. Nâng cao vị thế trong ASEAN và trên thế giới. ● D. Cả A, B, C - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi. - Trả lời: ● - Chọn: B. 5 nước ● ● ● - Chọn: C. ASEAN ● ● ● - Chọn: D. 28 – 7 – 1995 ● ● - Chọn: D. Cả A, B, C ● ● ● ●
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh về việc sưu tầm hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN. - GV cho HS thảo luận theo nhóm tổ và dán hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN vào trong bảng nhóm. Sau đó	- HS chuẩn bị tranh ảnh mà mình đã sưu tầm. - HS lắng nghe và thực hiện. HS trao đổi chia sẻ với các bạn trong nhóm.

các bạn sẽ lần lượt giới thiệu về tên quốc gia tương ứng với quốc kì mà mình đã sưu tầm. - GV gọi đại diện các nhóm lên giới thiệu, chia sẻ hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN mà nhóm mình đã sưu tầm. - Các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Đại diện các nhóm dán bảng và giới thiệu về các quốc kì mà mình đã sưu tầm. - HS nhận xét bạn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT LỚP:

ĐÁNH GIÁ VIỆC THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh đánh giá được những đóng góp của bản thân và những sự tiến bộ, những sự thay đổi của em khi tham gia hoạt động xã hội.
- Cảm thấy tự tin và thể nghiệm cảm xúc tích cực sau khi hoạt động, có động lực học tập và rèn luyện tốt hơn nữa trong năm học cuối cấp.
- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ HỌC LIỆU

- GV chuẩn bị bìa hình trái tim đủ cho học sinh.
- Học sinh chuẩn bị: Báo cáo kết quả tham gia hoạt động xã hội bằng tranh ảnh, thước phim, ghi âm, kết quả ghi chép tham gia hoạt động xã hội.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: * Trò chơi: Xe bus đến trường - Giáo viên nêu luật chơi: HS trả lời đúng một câu hỏi thì sẽ có một bạn được lên xe bus, trả lời đúng hết câu hỏi thì các bạn được xe bus đưa đến trường.	- HS lắng nghe luật chơi

- Câu hỏi dự kiến: + Lựa chọn những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện. + Nhận xét về cách ứng xử đã thể hiện để thiết lập quan hệ thân thiện. + Nêu những tiến bộ và thay đổi của em khi tham gia hoạt động xã hội. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới: Khi chúng ta làm được một việc nhỏ lợi ích mang đến cho cộng đồng, niềm vui khi làm được làm việc cùng nhau, khi làm được điều tốt đẹp cho xã hội. Mang đến cho chúng ta những sự tiến bộ, những sự thay đổi như thế nào thì cô mời cả lớp cùng nhau sinh hoạt tiết Đánh giá việc tham gia hoạt động xã hội để cảm nhận những điều đó nhé.	- Học sinh tham gia trò chơi: + Những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện: Chia sẻ, đồng cảm, giúp đỡ, hỗ trợ khi cần thiết, cùng tham gia các hoạt động tập chung,... + Mỗi khi chúng ta biết cách thể hiện sự thân thiện thì sẽ tạo ra một không gian ấm áp khiến ai cũng cảm thấy tươi vui, hạnh phúc. + HS nêu theo cảm nhận của bản thân. - HS lắng nghe.
2. Sinh hoạt cuối tuần: * Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ) - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần) * Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS nêu lại nội dung.

tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề. Hoạt động 3: đánh giá sự đóng góp của em khi tham gia hoạt động xã hội. - GV mời HS thảo luận với nhiệm vụ sau: + Liệt kê những hoạt động xã hội mà em và các bạn đã thực hiện. + Kết quả thực hiện công việc. + Ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với cộng đồng. + Nhận xét mức độ đóng góp của em khi tham gia hoạt động xã hội. - GV mời đại diện các nhóm trình bày - GV nhận xét chung và kết luận: <i>Giáo viên nhận xét và bày tỏ sự tự hào với những đóng góp của học sinh, nhấn mạnh ý nghĩa của những đóng góp dù là nhỏ nhất nhưng cũng rất đáng trân trọng đối với cộng đồng, xã hội.</i>	- HS thảo luận, chia sẻ theo yêu cầu của giáo viên. - Đại diện các nhóm trình bày, chia sẻ về sự đóng góp và cảm xúc của mình khi tham gia vào hoạt động xã hội; ý nghĩa của những hoạt động đó với cộng đồng xã hội. - Các nhóm góp ý, bổ sung. - HS lắng nghe.
Hoạt động 4: Đánh giá sự tiến bộ của các thành viên khi tham gia hoạt động xã hội. - Giáo viên mời học sinh làm việc cá nhân, nhận tờ bìa hình trái tim và ghi lại những thay đổi của bản thân khi tham gia hoạt động xã hội với yêu cầu sau: + Về hợp tác. + Tự tin, + Trách nhiệm,... - GV mời một số học sinh lên chia sẻ những thay đổi, tiến bộ của bản thân khi tham gia hoạt động xã hội.	- HS nhận tờ bìa hình trái tim và ghi lại những thay đổi của bản thân khi tham gia hoạt động xã hội theo yêu cầu của giáo viên. - 2-3 HS chia sẻ - HS khác lắng nghe, nhận xét về sự tiến bộ của bạn. - HS lắng nghe.

- GV nhận xét chung và kết luận: <i>Sự tiến bộ của từng thành viên khi tham gia hoạt động xã hội: biết quan tâm đến người xung quanh, đến cộng đồng; biết lắng nghe ý kiến người khác; biết làm việc nhóm, hợp tác; biết chia sẻ, trình bày ý kiến của mình. Các hoạt động xã hội không chỉ có ý nghĩa tích cực cho cộng đồng mà còn giúp cho mỗi chúng ta ngày càng tiến bộ và trưởng thành hơn.</i>	
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV cùng cả lớp chụp hình kỷ niệm với những trái tim tự hào. - Khuyến khích học sinh vận động người thân cùng tiếp tục tham gia vào các hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS giơ cao trái tim mình vừa ghi, tạo kiểu chụp hình cùng GV. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

.....

Ký duyệt:

Giáo viên thực hiện: